

Số: /NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng 9 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua Đề án phân loại đô thị và đề nghị công nhận thành phố  
Tuyên Quang là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 10**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến  
quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm  
2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm  
2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính  
và phân loại đơn vị hành chính;*

*Căn cứ Nghị quyết số 816/NQ-UBTVQH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019  
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp  
huyện, cấp xã thuộc tỉnh Tuyên Quang;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của  
Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;*

*Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2009 của  
Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể  
phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2012 của  
Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia  
giai đoạn 2012 - 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 980/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2013 của  
Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng Trung du và Miền  
núi Bắc bộ;*

*Căn cứ Quyết định số 2426/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2015 của  
Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế  
- xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng chiến khu cách mạng ATK liên tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang - Bắc Kạn đến năm 2030;*

*Xét Tờ trình số 36/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Đề án Phân loại đô thị và đề nghị công nhận thành phố Tuyên Quang là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 82/BC-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Đề án phân loại đô thị và đề nghị công nhận thành phố Tuyên Quang là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Tuyên Quang.

*(Có Đề án kèm theo)*

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện các thủ tục có liên quan để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ khi được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27 tháng 8 năm 2020./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Nội vụ, Kế hoạch - Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh; HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

## **PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Thị Minh Xuân**

## **ĐỀ ÁN**

### **PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ VÀ ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG LÀ ĐÔ THỊ LOẠI II TRỰC THUỘC TỈNH TUYÊN QUANG**

#### **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ, LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT**

##### **1. Các căn cứ pháp lý về phân loại đô thị**

- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;
- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;
- Văn bản số 49/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 của Văn phòng Quốc hội về Luật Quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;
- Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020;
- Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị;
- Báo cáo số 19/BC-BXD ngày 09/4/2015 của Bộ Xây dựng và Văn bản số 2803/VPCP-KTN ngày 22/4/2015 của Văn phòng Chính phủ về tình hình nâng loại đô thị theo Chương trình phát triển đô thị Quốc gia giai đoạn 2012-2020;

##### **2. Các văn bản pháp lý liên quan**

###### **a) Các văn bản của Trung ương**

- Nghị quyết số 816/NQ-UBTVQH14 ngày 21/11/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Tuyên Quang;
- Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 02/7/2010 của Chính phủ về việc thành lập thành phố Tuyên Quang thuộc tỉnh Tuyên Quang;
- Nghị định số 99/2008/NĐ-CP ngày 03/9/2008 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính các xã thuộc huyện Yên Sơn để mở rộng thị xã Tuyên Quang và thành lập các phường thuộc thị xã Tuyên Quang;

- Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh định hướng Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 980/QĐ-TTg ngày 21/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng Trung du và miền núi Bắc bộ;

- Quyết định số 2426/QĐ-TTg ngày 28/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025;

- Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 17/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng chiến khu cách mạng ATK liên tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang - Bắc Kạn đến năm 2030;

- Quyết định số 694/QĐ-BXD ngày 25/6/2009 của Bộ Xây dựng về việc công nhận thị xã Tuyên Quang là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Tuyên Quang;

#### b) Các văn bản của tỉnh Tuyên Quang

- Nghị quyết số 37-NQ/TU ngày 29/6/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khoá XV) về đẩy mạnh quy hoạch xây dựng và phát triển thành phố Tuyên Quang;

- Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020;

- Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025;

- Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt đề án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020 định hướng phát triển đến năm 2030;

- Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt đề án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020 định hướng phát triển đến năm 2030;

- Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt chủ trương lập Đề án Phân loại đô thị và đề nghị công nhận thành phố Tuyên Quang là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Tuyên Quang;

- Kết luận số 170-KL/TU ngày 28/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương điều chỉnh để mở rộng thành phố Tuyên Quang theo Đề án Quy hoạch chung thành phố Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng phát triển đến năm 2030;

- Báo cáo thẩm tra số 82/BC-HĐND ngày 04/8/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Đề án Phân loại đô thị và đề nghị công nhận thành phố Tuyên Quang là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Tuyên Quang;

### 3. Lý do và sự cần thiết

Thành phố Tuyên Quang là trung tâm hành chính, chính trị, giao lưu kinh tế, văn hóa giáo dục, y tế, khoa học kỹ thuật của tỉnh Tuyên Quang. Là đầu mối giao

thông, cơ sở hạ tầng quan trọng của quốc gia với chức năng là đô thị dịch vụ trung chuyển quan trọng phụ trợ cho tuyến hành lang phát triển Hà Nội - Lào Cai. Ngày 25/6/2009, thị xã Tuyên Quang được công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 694/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng. Ngày 02/7/2010, thành phố Tuyên Quang được thành lập theo Nghị quyết số 27/NQ-CP của Chính phủ. Khi đó, thành phố Tuyên Quang có 13 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 7 phường: Minh Xuân, Phan Thiết, Tân Quang, Tân Hà, Hưng Thành, Ý La, Nông Tiến và 6 xã: Tràng Đà, An Tường, Lương Vượng, An Khang, Đội Cấn, Thái Long, tổng diện tích tự nhiên là 11.917,45 ha.

Thành phố Tuyên Quang được điều chỉnh địa giới với phạm vi lấy toàn bộ thị trấn Tân Bình, xã Phú Lâm, xã Kim Phú thuộc huyện Yên Sơn nhập về thành phố Tuyên Quang theo chủ chương đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt<sup>1</sup>; đã được định hướng phát triển và nâng cấp đô thị từ loại III lên loại II tại Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020. Ngày 21/11/2019 Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 816/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Tuyên Quang. Tại Điều 1 của Nghị quyết, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua việc điều chỉnh thị trấn Tân Bình, xã Kim Phú, xã Phú Lâm thuộc huyện Yên Sơn về thành phố Tuyên Quang quản lý và thông qua việc thành lập 03 phường: Đội Cấn, Mỹ Lâm, An Tường thuộc thành phố Tuyên Quang.

Từ năm 2009 đến nay, thực hiện triển khai các Chương trình phát triển đô thị, Quy hoạch chung, thành phố Tuyên Quang đang được đô thị hóa rất nhanh. Thực hiện tốt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, định hướng phát triển không gian đô thị, cơ sở hạ tầng của thành phố Tuyên Quang tiếp tục mở rộng phát triển dần về phía Nam. Tận dụng giá trị cảnh quan và các động lực phát triển hai bên bờ sông Lô để phát triển “Thành phố hai bên bờ sông”, xây dựng hình ảnh “Thành phố thân thiện vì sức khỏe”, xứng đáng là “Một tâm” trong tổng thể tổ chức không gian của tỉnh; phấn đấu đạt đô thị loại II vào năm 2020, tiến tới là đô thị loại I trực thuộc tỉnh đáp ứng yêu cầu nguyện vọng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Tuyên Quang nói chung và thành phố Tuyên Quang nói riêng. Tập trung xây dựng thành phố Tuyên Quang phát triển hài hòa, đồng bộ giữa phát triển kinh tế gắn với các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường; gắn kết giữa quy hoạch xây dựng đô thị mới với cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp đô thị; giữa phát triển không gian đô thị với quy hoạch xây dựng; xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; phát huy vai trò, chức năng là đô thị trung tâm tổng hợp của tỉnh và vùng liên tỉnh đáp ứng yêu cầu hội nhập trong nước và quốc tế. Phát triển thành phố Tuyên Quang theo hướng văn minh, hiện đại, bền vững lâu dài, có tính chất đặc thù phù hợp truyền thống, bản sắc văn hóa các dân tộc và cảnh quan thiên nhiên của Tuyên Quang. Huy động mọi

---

<sup>1</sup>Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng phát triển đến năm 2030;

nguồn lực để phát triển thành phố; sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, không phá vỡ cảnh quan môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Để hoàn thành mục tiêu nâng cấp thành phố là đô thị loại II trực thuộc tỉnh trước năm 2020; Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng đã ban hành Nghị quyết số 37-NQ/TU ngày 29/6/2012 khoá XV về đẩy mạnh quy hoạch xây dựng và phát triển thành phố Tuyên Quang xây dựng thành phố Tuyên Quang đạt tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại II đồng thời thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVI về việc tập trung nguồn lực xây dựng, phát triển thành phố Tuyên Quang đạt tiêu chí đô thị loại II, mang nét đặc trưng của đô thị trung du miền núi phía Bắc với mục tiêu xây dựng tỉnh Tuyên Quang trở thành tỉnh phát triển khá trong khu vực và đạt mức trung bình trong cả nước.

Những năm gần đây, thực hiện việc xây dựng và phát triển đô thị theo Quy hoạch chung đã được phê duyệt, thành phố Tuyên Quang đã chủ động đón nhận nguồn lực đầu tư, quy hoạch xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng đô thị, đẩy mạnh phát triển đa lĩnh vực, thành phố đã tạo được những điểm nhấn quan trọng cả về bề rộng và chiều sâu. Nhiều công trình trọng điểm đã và đang được xây dựng tạo sự đồng bộ về hạ tầng. Trong đó một số công trình quan trọng đã hoàn thành đưa vào sử dụng như: Quảng trường Nguyễn Tất Thành và tượng đài “Bác Hồ với nhân dân các dân tộc tỉnh Tuyên Quang”, nhà văn hóa trung tâm thành phố, đường Tân Trào, đường Minh Thanh, hồ công viên Tân Quang, hệ thống chiếu sáng đường phố, cầu Tình Húc, 2 tuyến đường dọc bờ sông Lô, đường giao thông trung tâm hành chính thành phố,... và các dự án trọng điểm đã được triển khai như dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai. Đặc biệt, nhờ các cơ chế, chính sách mời gọi, thu hút đầu tư thông thoáng của tỉnh và thành phố, nhiều nhà đầu tư đã lựa chọn thành phố Tuyên Quang để triển khai các dự án lớn, tạo “chỗ đứng” cho thương hiệu như: Dự án Trung tâm thương mại Vincom Shophouse Tuyên Quang, khách sạn Grand Mường Thanh, dự án khu đô thị mới Kim Phú, khu đô thị mới Lương Vượng, dự án sản xuất nông nghiệp, công nghiệp cao và dịch vụ sinh thái, Khu đô thị sinh thái Soi Tình Húc, Khu đô thị bên bờ sông Lô,... Ngoài ra nhiều quy hoạch đã được phê duyệt tạo hành lang pháp lý và định hướng để phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng của thành phố như: Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Tuyên Quang đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030; điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 (*phân khu*) các phường và xã An Tường phù hợp với đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố được phê duyệt; triển khai thực hiện quy hoạch chi tiết xây dựng trụ sở các xã, phường; trụ sở các cơ quan; quy hoạch quảng trường trung tâm thành phố; quy hoạch Bệnh viện đa khoa An Sinh, phường Tân Hà; quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc công trình tại phường Đội Cấn; điều chỉnh quy hoạch mở rộng xây dựng phòng khám đa khoa 153 tại phường Tân Hà; điều chỉnh dự án đầu tư và quy hoạch xây dựng công trình bãi đỗ xe công cộng...

Trong lĩnh vực phát triển kinh tế, thành phố đã tập trung các nguồn lực cũng như thu hút đầu tư để đẩy mạnh phát triển công nghiệp, du lịch và dịch vụ; đến thời điểm hiện tại, công nghiệp - xây dựng của thành phố phát triển khá với các sản phẩm chủ yếu về vật liệu xây dựng, chế biến lâm sản, khai thác và chế biến khoáng sản. Một số doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trên địa bàn cũng đã mở rộng dây chuyền sản xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động, giải quyết nhu cầu việc làm cho

người lao động. Thành phố cũng đã hình thành các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, nhà hàng cũng như hệ thống thương mại, dịch vụ phát triển ngày càng đa dạng. Kinh tế tăng trưởng với tốc độ cao, cơ cấu kinh tế các ngành phi nông nghiệp ngày càng chiếm tỷ trọng lớn, đời sống nhân dân ngày được cải thiện thu hút nhiều lao động, dân số cơ học đến định cư và làm việc trên địa bàn ngày càng đông. Môi trường, cảnh quan ngày càng được quản lý, đầu tư tôn tạo.

Thành phố Tuyên Quang trở thành đô thị loại II sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển của thành phố mạnh mẽ hơn cũng như tạo động lực lan tỏa đến hệ thống đô thị của tỉnh và hệ thống đô thị vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Việc thành phố Tuyên Quang được nâng cấp thành đô thị loại II phù hợp với Chương trình phát triển đô thị quốc gia, tỉnh Tuyên Quang; phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội, cơ sở hạ tầng của thành phố Tuyên Quang hiện nay. Đối chiếu với các tiêu chí, tiêu chuẩn về phân loại đô thị quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị: Thành phố Tuyên Quang trực thuộc tỉnh Tuyên Quang đã đảm bảo đầy đủ các điều kiện đề nghị công nhận đạt tiêu chí đô thị loại II. Do đó, việc lập đề án đề nghị Thủ tướng Chính phủ công nhận thành phố Tuyên Quang trực thuộc tỉnh Tuyên Quang đạt tiêu chí đô thị loại II là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao vị thế, thúc đẩy sự phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế cũng như việc đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng đô thị văn minh, hiện đại và phát triển bền vững, tạo động lực thúc đẩy phát triển ngành kinh tế công nghiệp, dịch vụ; thúc đẩy sự phát triển, tỷ lệ đô thị hóa, nâng cao chất lượng đời sống xã hội của tỉnh, thành phố, cũng như vùng Trung du miền núi phía Bắc. Đồng thời, còn là nguyện vọng của Đảng bộ, chính quyền, nhân dân tỉnh Tuyên Quang và thành phố Tuyên Quang sau nhiều năm nỗ lực phấn đấu xây dựng và phát triển.

#### **4. Phạm vi nghiên cứu lập Đề án**

Ngày 06/12/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng phát triển đến năm 2030 tại Quyết định số 379/QĐ-UBND, theo đó thành phố Tuyên Quang sẽ được mở rộng thêm 03 đơn vị hành chính cấp xã bao gồm: thị trấn Tân Bình, xã Phú Lâm, xã Kim Phú (*huyện Yên Sơn, diện tích mở rộng là 65,32km<sup>2</sup>; ngày 21/11/2019, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 816/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Tuyên Quang*). Hiện tại, thành phố Tuyên Quang có diện tích 18.438 ha, dân số 335.012 người (*bao gồm: dân số thường trú là 130.338 người và tạm trú quy đổi 204.674 người*), có 15 đơn vị hành chính cấp xã gồm: 10 phường (*Phan Thiết, Tân Quang, Minh Xuân, Ý La, Tân Hà, Hưng Thành, Nông Tiến, Đội Cấn, An Tường, Mỹ Lâm*) và 05 xã (*An Khang, Lương Vượng, Thái Long, Tràng Đà, Kim Phú*).

Phạm vi nghiên cứu lập Đề án đề nghị công nhận thành phố Tuyên Quang là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Tuyên Quang bao gồm toàn bộ 10 phường và 5 xã hiện hữu của thành phố với diện tích 184,38 km<sup>2</sup> (18.438 ha) và dân số 335.012 người được xác định như sau:

- Khu vực nội thành trong phạm vi nghiên cứu lập Đề án phân loại đô thị có quy mô 12.348,56 ha, bao gồm: Phan Thiết, Ý La, Nông Tiến, Mỹ Lâm, Tân Quang, Tân Hà, Đội Cấn, Minh Xuân, Hưng Thành, An Tường.

- Khu vực ngoại thành trong phạm vi nghiên cứu lập Đề án phân loại đô thị có quy mô 6.089,44 ha, bao gồm: An Khang, Tràng Đà, Lương Vượng, Kim Phú, Thái Long. (Xem bản đồ ranh giới nghiên cứu lập đề án tại Phụ lục III - Bản đồ)



## II. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

### 1. Lịch sử hình thành của tỉnh Tuyên Quang

Tuyên Quang nguyên cũng là một vùng đất thuộc xứ Thái, từ thế kỷ XIII đã chịu sự kiểm soát của triều đình Đại Việt dưới đời nhà Trần. Triều Trần gọi là lộ Quốc Oai, sau đổi là châu Tuyên Quang. Dưới đời vua Trần Hiến Tông (*niên hiệu Khai Hữu, 1329 - 1341*), châu Tuyên Quang đổi thành trấn, rồi thành phủ Tuyên Hóa dưới thời Minh thuộc.

Sau khi vua Lê Thái Tổ đuổi xong giặc Minh, ngài đặt là phủ Tuyên Hóa thuộc Tây Đạo. Đời vua Lê Thánh Tông, Tuyên Quang gồm một phủ, năm huyện và đổi thành tỉnh Minh Quang dưới triều vua Lê Uy Mục. Đời Lê Trang Tông, đổi Minh Quang thành doanh An Tại.

Đầu thế kỷ 19, Tuyên Quang gồm 01 phủ là phủ Yên Bình, quản lý 1 huyện và 5 châu là:

Huyện Phúc Yên (*nay là phần đất thuộc thành phố Tuyên Quang, các huyện Yên Sơn, Chiêm Hóa tỉnh Tuyên Quang*) gồm 10 tổng: Trung Môn, Yên Lũng, Yên Lĩnh, Hằng Túc, Hùng Di, Kim Đô, Hoàng Sơn, Đồng Yên, Lãng Quán, Bình Ca;

Châu Lục Yên (*nay là phần đất thuộc huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái*);

Châu Thu Vật (*năm 1823 đổi tên là châu Thu (Thu Châu), nay là phần đất thuộc huyện Yên Bình tỉnh Yên Bái*) gồm 7 tổng: Vĩnh Kiên, Đại Đồng, Âm Phúc, Cẩm Nhân, Mông Sơn, Ngọc Chấn, Thì Ngạn;

Châu Vị Xuyên (*nay là phần đất thuộc tỉnh Hà Giang*);

Châu Bảo Lạc (*nay là phần đất thuộc các huyện Mèo Vạc, Bắc Mê, Yên Minh tỉnh Hà Giang và các huyện Bảo Lâm, Bảo Lạc tỉnh Cao Bằng*);

Châu Đại Man (*nay là phần đất thuộc huyện Na Hang tỉnh Tuyên Quang*);

Thời Vua Gia Long (1802 - 1820) lại đổi thành trấn Tuyên Quang, rồi trở thành tỉnh dưới triều Minh Mạng. Khi Pháp mới xâm chiếm Việt Nam, phủ Yên Bình là căn cứ kháng chiến chống giặc Pháp. Người Thái, Mường, Mèo, Thổ, Nùng cùng với dân quân các tỉnh lân cận đánh quân Pháp nhiều trận khôn đồn vào những năm 1884, 1885; tới năm 1894, Pháp mới hoàn toàn chiếm được tỉnh Tuyên Quang.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3-2-1930), nhân dân các dân tộc tỉnh Tuyên Quang luôn một lòng theo Đảng, đóng góp công sức, tham gia xây dựng phong trào cách mạng.

Trong cách mạng tháng Tám năm 1945, Tuyên Quang là Thủ đô Khu giải phóng, trung tâm lãnh đạo cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước, nơi Trung ương Đảng, Bác Hồ đã ở và làm việc, lãnh đạo Cách mạng tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Giai đoạn 1945 - 1954: Trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, một lần nữa Tuyên Quang được chọn làm Thủ đô Kháng chiến, được Bác Hồ, Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận, 13/14 bộ và cơ quan ngang bộ, gần 60

ban, ngành, cơ quan Trung ương đặt trụ sở để lãnh đạo cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Sau năm 1954, Tuyên Quang có tỉnh lỵ là thị xã Tuyên Quang và 6 huyện: Yên Bình, Yên Sơn, Na Hang, Hàm Yên, Sơn Dương và Chiêm Hóa. Ngày 1 tháng 7 năm 1956, chuyển huyện Yên Bình về tỉnh Yên Bái quản lý. Sau khi hoà bình lập lại, do việc thành lập khu tự trị Việt Bắc, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra Sắc lệnh số 268 - SL chuyển Yên Bình nhập vào tỉnh Yên Bái khi đó nằm ở khu Lao - Hà - Yên. Sau năm 1975, Tuyên Quang được hợp nhất với tỉnh Hà Giang thành tỉnh Hà Tuyên. Ngày 12 tháng 8 năm 1991, tỉnh Tuyên Quang được tái lập, có 6 đơn vị hành chính cấp huyện gồm thị xã Tuyên Quang và 5 huyện: Chiêm Hóa, Hàm Yên, Na Hang, Sơn Dương, Yên Sơn. Ngày 2 tháng 7 năm 2010, thành lập thành phố Tuyên Quang trên cơ sở thị xã Tuyên Quang. Khi đó thành phố Tuyên Quang có diện tích tự nhiên 11.917,45 ha và dân số 110.119 người. Ngày 28/01/2011, thành lập huyện Lâm Bình có diện tích tự nhiên 78.152,17 ha và 29.459 nhân khẩu.

Ngày nay, Tuyên Quang là một tỉnh thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Đông giáp các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn và Thái Nguyên; Tây giáp các tỉnh Yên Bái và Phú Thọ; Nam giáp tỉnh Vĩnh Phúc; Bắc giáp tỉnh Hà Giang. Tỉnh Tuyên Quang có diện tích 5.868 km<sup>2</sup> (*đứng thứ 25 trên cả nước*) và dân số 784.811 người (*đứng thứ 53 trên cả nước*), mật độ trung bình khoảng 124 người/km<sup>2</sup>. Dân cư Tuyên Quang phát triển rất nhanh với 13,8% dân số sống ở đô thị và 86,2% dân số sống ở nông thôn.

## **2. Lịch sử hình thành thành phố Tuyên Quang**

Thời kỳ thực dân Pháp chiếm đóng, thị xã Tuyên Quang là trung tâm hành chính, quân sự, dịch vụ của tỉnh Tuyên Quang và một số vùng lân cận. Lúc này địa giới hành chính của thị xã chỉ bao gồm hai khu phố Xuân Hoà và Tam Cờ với diện tích khoảng 1,0 km<sup>2</sup>. Sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, thị xã Tuyên Quang là tỉnh lỵ của tỉnh Tuyên Quang. Trong kháng chiến chống Pháp, đáp ứng yêu cầu của thực tế tình hình kháng chiến, thị xã Tuyên Quang tạm giải thể vào năm 1948. Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, thị xã Tuyên Quang được tái lập, địa giới hành chính của thị xã Tuyên Quang lúc này bao gồm 5 khu phố là Xã Tắc, Tam Cờ, Xuân Hòa, Minh Xuân, Quang Trung với dân số khoảng 7.500 người. Ngày 26 tháng 7 năm 1968, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 119/CP về việc sáp nhập các xã Ý La, Hưng Thành, Nông Tiến, Tràng Đà (*huyện Yên Sơn*) về thị xã Tuyên Quang. Thị xã Tuyên Quang lúc này có 3 phường nội thị là Minh Xuân, Phan Thiết, Tân Quang và 04 xã ngoại thành Ý La, Hưng Thành, Nông Tiến và Tràng Đà. Sau năm 1975, thị xã Tuyên Quang vẫn giữ nguyên tổ chức hành chính gồm 03 phường và 04 xã. Những năm 1975 - 1991, thị xã Tuyên Quang giữ vai trò là tỉnh lỵ tỉnh Hà Tuyên (*do hợp nhất 2 tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang*). Ngày 12 tháng 8 năm 1991, tỉnh Tuyên Quang được tái lập, thị xã Tuyên Quang trở thành tỉnh lỵ tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 03/9/2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 99/2008/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính các xã thuộc huyện Yên Sơn để mở rộng thị xã Tuyên Quang và thành lập các phường thuộc thị xã Tuyên Quang. Khi đó, thị xã Tuyên Quang có 11.917,45 ha diện tích tự nhiên và dân số 90.793 người, có 13

đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 7 phường: Minh Xuân, Tân Quang, Phan Thiết, Tân Hà, Ý La, Hưng Thành, Nông Tiến và 6 xã: Tràng Đà, An Tường, Lương Vượng, An Khang, Thái Long, Đội Cấn.

Ngày 25 tháng 6 năm 2009, thị xã Tuyên Quang được công nhận là đô thị loại III theo Quyết định số 694/QĐ-BXD ngày 25/6/2009 của Bộ Xây dựng. Ngày 2 tháng 7 năm 2010, thị xã Tuyên Quang chính thức trở thành thành phố Tuyên Quang theo Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 02/7/2010 của Chính phủ. Lúc này thành phố Tuyên Quang có diện tích tự nhiên 11.917,45 ha và 110.119 nhân khẩu.



*Hình: Thành phố Tuyên Quang hiện nay*

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 816/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Tuyên Quang. Theo đó thành phố Tuyên Quang có 18.438 ha diện tích tự nhiên và dân số 335.012 người, có 15 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc bao gồm: 10 phường (*Phan Thiết, Tân Quang, Minh Xuân, Ý La, Tân Hà, Hưng Thành, Nông Tiến, Đội Cấn, An Tường, Mỹ Lâm*) và 05 xã (*An Khang, Lương Vượng, Thái Long, Tràng Đà, Kim Phú*).

### **III. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG**

#### **1. Vị trí và chức năng, vai trò của thành phố Tuyên Quang**

##### **a) Vị trí địa lý**



*Hình: Vị trí Tuyên Quang trong vùng Bắc Bộ*

Thành phố Tuyên Quang được che chắn bởi các dãy núi cao và xen kẽ nhiều đồi núi thấp. Thành phố là trung tâm văn hóa - kinh tế - chính trị của tỉnh Tuyên Quang. Nằm ở vị trí phía Nam tỉnh Tuyên Quang, trong tọa độ địa lý  $21^{\circ}47'$  đến  $21^{\circ}53'$  độ vĩ Bắc và  $105^{\circ}11'$  đến  $105^{\circ}17'$  độ kinh Đông. Thành phố Tuyên Quang tiếp giáp với huyện Yên Sơn và huyện Sơn Dương và nằm cận về phía Nam của tỉnh Tuyên Quang, cách Thủ đô Hà Nội 165 km, cách trung tâm tỉnh Hà Giang về phía Bắc 154 km.

- Đông giáp huyện Yên Sơn và huyện Sơn Dương;
- Tây giáp huyện Yên Sơn;
- Nam giáp huyện Yên Sơn và huyện Sơn Dương;
- Bắc giáp huyện Yên Sơn.

b) Thành phố Tuyên Quang trong mối quan hệ vùng



*Hình: Sơ đồ liên hệ vùng của thành phố Tuyên Quang*

Vai trò liên kết vùng trong môi quan hệ Quốc gia: Thành phố Tuyên Quang là trung tâm hành chính, chính trị, giao lưu kinh tế, văn hóa giáo dục, y tế, khoa học kỹ thuật của tỉnh Tuyên Quang. Là đầu mối giao thông, cửa ngõ hạ tầng tuyến hành lang phát triển Hà Nội – Lào Cai. Bên cạnh đó, thành phố Tuyên Quang là địa bàn quan trọng về quốc phòng, an ninh, có tiềm năng phát triển về công nghiệp, dịch vụ du lịch, thương mại và kinh tế tri thức. Là đầu mối giao thông, giao lưu trong tỉnh và vùng liên tỉnh giữa Tây Bắc và Đông Bắc của Việt Nam. Thành phố Tuyên Quang có vị trí quan trọng trong hệ thống đô thị Việt Nam, hệ thống đô thị tỉnh Tuyên Quang và hệ thống đô thị khu vực vùng chiến khu cách mạng ATK liên tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang - Bắc Kạn.

## **2. Tổng quan trình độ phát triển kinh tế - xã hội**

### **a) Thu chi ngân sách**

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Tuyên Quang hàng năm đều đạt mức cao cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế trong thời gian qua, là một trong những địa phương có số thu ngân sách đạt mức cao của tỉnh. Tổng thu năm 2019 đạt 867,55 tỷ đồng.

Chi ngân sách đã đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh. Tổng chi ngân sách trên địa bàn thành phố Tuyên Quang năm 2019 là 806,38 tỷ đồng.

Cân đối thu chi ngân sách trên địa bàn thành phố năm 2019 có kết dư, là một những địa phương của tỉnh có thể tự cân đối được ngân sách.

### b) Thu nhập bình quân đầu người

Cùng với việc dịch chuyển cơ cấu kinh tế, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp tại tỉnh Tuyên Quang nói chung và thành phố Tuyên Quang nói riêng. Trong những năm qua, thành phố luôn duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình đạt 12,51%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ năm 2019 đạt 97,28%. Chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người hàng năm tăng đáng kể: năm 2017 là 59,8 triệu đồng/người/năm; năm 2018 là 65,1 triệu đồng/người/năm, năm 2019 là 72,3 triệu đồng/người/năm và bằng 1,42 lần so với bình quân cả nước (cả nước 51 triệu đồng/người/năm).

### c) Tình hình phát triển các ngành kinh tế

Năm 2009, Tuyên Quang được công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 694/QĐ-BXD ngày 25/6/2009 của Bộ Xây dựng đã tạo động lực cho Đảng ủy, chính quyền các cấp và nhân dân thành phố tập trung phát triển kinh tế xã hội. Tranh thủ mọi nguồn lực, khai thác tiềm năng sẵn có của mình đến nay kinh tế thành phố Tuyên Quang ngày càng phát triển ổn định, đa số các ngành chủ yếu đều tăng so với cùng kỳ. Các loại hình dịch vụ phát triển nhanh đa dạng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu sản xuất, kinh doanh của người dân.

#### - Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Trong giai đoạn 2017 - 2019, đóng góp vào tăng trưởng chung của nền kinh tế thành phố chủ yếu là ngành công nghiệp - xây dựng và ngành thương mại - dịch vụ. Riêng ngành nông - lâm - ngư nghiệp đóng góp không đáng kể.

Bằng nhiều nỗ lực thu hút đầu tư và phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội, xây dựng đô thị, thành phố Tuyên Quang đã có những bước phát triển vượt trội, đạt kết quả tích cực, góp phần vào sự nghiệp phát triển của thành phố Tuyên Quang nói riêng và tỉnh Tuyên Quang nói chung, đặc biệt là tăng trưởng ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, thương mại.

Cho tới nay, cơ cấu kinh tế của thành phố cơ bản đã đi đúng hướng theo mục tiêu đề ra, tăng tỷ trọng thương mại - dịch vụ và công nghiệp, giảm tỷ trọng nông nghiệp cụ thể: tỷ trọng công nghiệp - xây dựng 51,32%; tỷ trọng thương mại - dịch vụ 45,96% và tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp 2,72%.

#### - Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của thành phố luôn đạt ở mức cao, giai đoạn từ năm 2017 - 2019 tốc độ tăng trung bình đạt 12,51%/năm.

#### - Kết quả trên từng lĩnh vực

##### + Về nông nghiệp

Thành phố tập trung thúc đẩy kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, theo đó đã chủ động bố trí cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với đặc điểm khí hậu, thổ nhưỡng và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa. Chỉ đạo các xã, phường tổ chức sản xuất đúng khung thời vụ; phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm theo đúng quy định.

Những năm gần đây, thành phố Tuyên Quang đã đề ra nhiều giải pháp áp dụng khoa học kỹ thuật nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người nông dân như áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước phục vụ cho cây trồng cạn; mô hình sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP,... đã đạt được hiệu quả cao.



*Hình: Sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP*

Tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp năm 2019 đạt 729 tỷ đồng, tăng 108,04% so với cùng kỳ năm 2018.

#### + Về thương mại - dịch vụ

Hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch trên địa bàn thành phố có bước phát triển mạnh, nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của xã hội tăng cao; các doanh nghiệp, các hộ kinh doanh tích cực đầu tư, mở rộng kinh doanh, áp dụng nhiều hình thức phục vụ để đáp ứng kịp thời nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng. Công tác quản lý thị trường, phòng chống buôn lậu và gian lận thương mại được duy trì. Trong thời gian qua đã đạt được một số kết quả rõ rệt, góp phần ngăn chặn, hạn chế tình trạng sản xuất, buôn bán, vận chuyển hàng lậu, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Tình hình kinh doanh buôn bán tại các chợ trên địa bàn trong những năm qua tăng cả về số lượng hàng hóa lẫn số lượng khách mua hàng, số lượng hộ kinh doanh phát triển nhanh, tại một số chợ đã có biểu hiện quá tải. Hoạt động

kinh doanh tại các chợ lớn của thành phố trong thời gian vừa qua có nhiều thay đổi, từng bước đi vào hoạt động ổn định, có hiệu quả.

Thành phố tạo điều kiện, khuyến khích các công ty lữ hành xây dựng các tour, tuyến, du lịch, tập trung quảng bá, xúc tiến du lịch, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng hệ thống nhà hàng, khách sạn phục vụ du lịch. Thành phố có 6.357 hộ kinh doanh dịch vụ, 50 nhà hàng, 91 cơ sở đăng ký kinh doanh dịch vụ lưu trú với 1.525 phòng, 2.169 giường, trên 50 nhà hàng ẩm thực có quy mô lớn, trong đó nhiều nhà hàng đã chú trọng tới việc xây dựng thương hiệu, tạo sức hút đối với du khách. Trên địa bàn thành phố có khoảng 6.400 hộ có nhà ở cho thuê với khoảng 25.000 phòng với diện tích 15 – 20 m<sup>2</sup>, cơ bản đáp ứng được nhu cầu trước mắt của người lao động, học sinh, sinh viên. Tuy nhiên, về lâu dài thì mô hình này có nhiều bất cập, khó quản lý... Trong khi đó, các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân chưa đáp ứng được nhu cầu về chỗ ở cho người lao động, học sinh, sinh viên trên địa bàn thành phố.

Thành phố Tuyên Quang có 7 công ty lữ hành đang hoạt động đưa, đón phục vụ khách du lịch đến Tuyên Quang. Dịch vụ vận chuyển khách du lịch đã có sự tham gia của doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài tỉnh và 6 công ty kinh doanh dịch vụ taxi, 1 công ty kinh doanh dịch vụ xe buýt,... với các dịch vụ ưu đãi tốt, giá cả hợp lý; 2 điểm du lịch đạt tiêu chuẩn cấp biển hiệu phục vụ khách du lịch là Royal Plaza và Trung tâm thương mại Vincom Plaza Tuyên Quang. Hạ tầng du lịch, dịch vụ được quan tâm đã thu hút ngày càng nhiều du khách đến với thành phố, năm 2019 thành phố đã thu hút khoảng 4.600.000 lượt khách, doanh thu xã hội từ du lịch đạt 527 tỷ đồng. Để đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, thành phố Tuyên Quang đã hoàn thiện hạ tầng du lịch, nhất là chỉnh trang các tuyến phố, hình thành các khu đô thị mới; phối hợp với ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh xây dựng Lễ hội Thành Tuyên gắn với trình diễn di sản văn hóa phi vật thể trở thành thương hiệu cấp vùng; đào tạo, nâng cao chất lượng phục vụ, tạo dấu ấn thu hút du khách.

#### + Về công nghiệp - xây dựng

Ngành công nghiệp - xây dựng luôn được thành phố đặc biệt quan tâm, ưu tiên phát triển. Bằng nhiều nỗ lực thu hút đầu tư và phát triển, tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng đã có nhiều chuyển biến tích cực, là lĩnh vực được quan tâm để phát triển kinh tế và cơ sở hạ tầng của thành phố Tuyên Quang. Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng theo giá hiện hành năm 2019 đạt 13.746 tỷ đồng. Một số sản phẩm chủ yếu: Giấy 3.880 tấn, đạt 129,3% kế hoạch, chè chế biến các loại 800 tấn, đạt 126% kế hoạch,... Trong năm 2019 đã thành lập mới 80 doanh nghiệp, 01 Hợp tác xã; cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại cho 02 hộ gia đình tại phường Đội Cấn; cấp mới 564 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi, bổ sung đăng ký kinh doanh cho 216 giấy. Đến nay, trên địa bàn thành phố có 784 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký 5.638,83 tỷ đồng.





*Hình: Trung tâm thương mại trên địa bàn thành phố*

Thành phố luôn quan tâm, tạo điều kiện để các doanh nghiệp triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố như: Dự án xây dựng khu thương mại dịch vụ nhà ở, trường Mầm non tư thục phường Hưng Thành; Dự án Showroom xe ô tô, xưởng dịch vụ, siêu thị điện máy, bách hoá tổng hợp tại phường Hưng Thành; vườn sinh thái Bách Thảo Ngân tại phường Tân Hà, Khu dịch vụ bán phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và các xe có động cơ khác tại phường Tân Hà, mở rộng cửa hàng giới thiệu, bán sản phẩm của Công ty trách nhiệm hữu hạn Chính Hòa tại khu dịch vụ thuộc Cụm các khu công nghiệp, dịch vụ, đô thị Long Bình An; dự án khu đô thị mới Kim Phú, Lương Vượng, Soi Tình Húc, An Mỹ Hưng, Đông Sơn, Nông Tiên, An Phú, Mimosa, Thành Hưng city 1, Thành Hưng city 2,...

#### d) Tỷ lệ hộ nghèo

Công tác giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội được tập trung chỉ đạo. Chương trình giảm nghèo được triển khai thực hiện tích cực, đồng bộ gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới.

Các chính sách về an sinh xã hội luôn được các ngành, các cấp quan tâm thực hiện; đã tổ chức cấp phát, chi trả trợ cấp kịp thời cho các đối tượng được thụ hưởng theo quy định như: đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo. Công tác xóa đói giảm nghèo được đẩy mạnh, thành phố đã tận dụng tối đa các nguồn vốn đầu tư của Trung ương, của tỉnh, tập trung phát huy tiềm năng kinh tế dịch vụ, thương mại. Đồng thời, tạo điều kiện cho nhân dân vay vốn giải quyết việc làm, vốn xóa đói giảm nghèo để mở rộng đầu tư phát triển sản xuất; nắm bắt, theo dõi các hộ mới thoát nghèo thuộc diện cận nghèo để kịp thời giúp đỡ họ ổn định khi gặp khó khăn, không để xảy ra tình trạng tái nghèo.

#### đ) Tăng trưởng dân số

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ, bứt phá vươn lên về kinh tế là tốc độ đô thị hóa của thành phố, thể hiện sức hút đô thị ở thành phố Tuyên Quang là rất lớn do việc Tuyên Quang hàng năm thu hút lượng lớn khách trong nước và khách nước ngoài tới thăm quan du lịch, lễ chùa và tham dự các lễ hội truyền thống, tâm linh, các di tích như: Thành nhà Mạc, lễ hội đền Thượng, đền Hạ, đền Ý La, đền Cắm,... Thu hút lực lượng lao động từ Khu công nghiệp Long Bình An, điểm công nghiệp tập trung Tân Hà, Nông Tiên,... Dân số khu vực nội thành thành phố Tuyên Quang có tốc độ tăng trưởng khá, mức tăng dân số bình quân năm 2019 là 2,46%.

### 3. Quy mô dân số

- Theo số liệu thống kê của Chi cục thống kê thành phố Tuyên Quang, tính đến 31/12/2019, dân số toàn thành phố (bao gồm dân số thường trú và dân số quy đổi) là: 335.012 người.

Trong đó:

+ Dân số thường trú trên địa bàn toàn thành phố Tuyên Quang là: 130.338 người;

+ Dân số quy đổi là: 204.674 người (bao gồm dân số quy đổi từ: lao động trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh, dịch vụ; sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, Học viên các cơ sở dạy nghề, học sinh phổ thông; người nước ngoài đăng ký tạm trú trên địa bàn; bệnh nhân ngoài thành phố đến khám chữa bệnh và người chăm sóc tại các cơ sở y tế; công nhân làm việc tại các công trường xây dựng trên địa bàn; khách tham quan, du lịch, dự hội nghị và hội thảo, hội chợ, triển lãm trên địa bàn thành phố).

- Dân số khu vực nội thành là: 250.009 người. Trong đó:

+ Dân số thường trú khu vực nội thành: 97.453 người (*Phụ lục I, Biểu 02*);

+ Dân số quy đổi khu vực nội thành là: 152.556 người (*Phụ lục I, Biểu 03*).

### 4. Quy mô đất đai

Tổng diện tích tự nhiên của thành phố Tuyên Quang là: 18.438 ha (*Phụ lục I, Biểu 01*), trong đó:

- Diện tích tự nhiên khu vực nội thành trong phạm vi nghiên cứu lập đề án phân loại đô thị là 12.348,56 ha;

- Diện tích tự nhiên khu vực ngoại thành trong phạm vi nghiên cứu lập đề án phân loại đô thị là 6.089,44 ha.

**Bảng thống kê cơ cấu sử dụng đất trên địa bàn năm 2019**

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Ghi chú
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên (A+B)</b>	<b>18.438,00</b>	
<b>A</b>	<b>Đất nội thành (I+II)</b>	<b>12.348,56</b>	
<b>I</b>	<b>Đất xây dựng đô thị</b>	<b>3.103,00</b>	
<b>I.1</b>	<b>Đất dân dụng</b>	<b>708,91</b>	
1.1	Đất khu ở (đất ở, CC cấp khu ở, GT khu dân cư)	31,91	
1.2	Cây xanh-TDĐT cấp đô thị	238,43	
1.3	Đất công trình công cộng cấp đô thị.	47,79	
1.4	Đất giao thông đô thị	390,78	
<b>I.2</b>	<b>Đất không thuộc khu dân dụng</b>	<b>2.394,09</b>	
2.1	Công nghiệp, TTCN, kho tàng	293,77	
2.2	Giao thông đối ngoại	145,542	
2.3	Đất cơ quan, trụ sở	44,13	
2.4	Công trình đầu mối (Viễn thông, điện, nước ...)	1.428,16	

2.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	35,87	
2.6	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	6,19	
2.7	An ninh quốc phòng	440,43	
<b>II</b>	<b>Đất khác</b>	<b>9.245,56</b>	
1	Đất sản xuất nông nghiệp	4.117,70	
2	Đất lâm nghiệp	3.861,23	
3	Đất nuôi trồng thủy sản	154,40	
4	Đất sông suối, mặt nước chuyên dùng	800,72	
5	Đất chuyên dùng khác (thủy lợi, truyền dẫn, ...)		
6	Đất chưa sử dụng ( đồi, núi, ... )	311,51	
<b>B</b>	<b>Đất ngoài đô thị</b>	<b>6.089,44</b>	
<b>I</b>	<b>Đất XD nông thôn (I+II)</b>	<b>1.822,25</b>	
<b>I.1</b>	<b>Đất xây dựng khu dân cư Nông thôn</b>	<b>783,88</b>	
1	Đất ở Nông thôn	35,27	
2	Đất công trình công cộng sự nghiệp	55,66	
3	Đất giao thông khu dân cư nông thôn.	431,13	
4	Đất cây xanh công viên	261,82	
<b>I.2</b>	<b>Đất xây dựng ngoài khu dân cư nông thôn</b>	<b>1.038,37</b>	
1	Cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	192,88	
2	Các loại đất hiện chuyên dụng khác ( hạ tầng khác, di tích, thủy lợi...)	717,46	
3	Đất giao thông đối ngoại	88,63	
4	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	5,23	
5	Đất an ninh quốc phòng		
6	Đất nghĩa trang, nghĩa địa.	34,17	
<b>II</b>	<b>Đất khác</b>	<b>4.267,19</b>	
1	Đất nông nghiệp	2343,97	
2	Đất lâm nghiệp	1781,98	
3	Sông suối, mặt nước		
4	Đất chưa sử dụng	55,90	
5	Đất nuôi trồng thủy sản	85,34	

(Nguồn: Phòng Tài nguyên môi trường cung cấp)

## 5. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng đô thị

### a) Về hạ tầng xã hội

#### - Nhà ở

Trong 10 năm trở lại đây, các dự án khu nhà ở, công trình nhà dân và các khu đô thị được xây dựng mới với hình thức kiến trúc hiện đại, đẹp mắt, đảm bảo công năng và tiện nghi sông, góp phần làm tăng tính thẩm mỹ công trình và chất lượng cuộc sống người dân từng bước được nâng cao. Diện tích sàn nhà ở của thành phố Tuyên Quang đạt 9.309.301 m<sup>2</sup> tăng 250% so với năm 2009 khi mới được công nhận là đô thị loại III.

Với tốc độ phát triển kinh tế khá nhanh, thành phố Tuyên Quang đã mang vóc dáng đô thị hiện đại, sôi động, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao; nhu cầu xây dựng nhà ở của cư dân, các công trình công cộng, phúc lợi xã hội phát triển mạnh, hình thành nên một đô thị khang trang, hiện đại, năng động.

Các công trình nhà ở được chia làm 03 loại chính: nhà ở kết hợp buôn bán, nhà ở kiểu đô thị và nhà ở nông thôn. Trong đó, nhà ở kết hợp buôn bán phát triển trong các khu trung tâm buôn bán sầm uất, bám dọc trục Quốc lộ, đường chính thành phố. Nhà ở kiểu đô thị (*nhà lô, nhà biệt thự*) phân bố trong các khu trung tâm thành phố, các khu đô thị mới được hình thành. Còn lại nhà ở kiểu nông thôn phân bố tương đối tập trung tại các xã ngoại thị cho thấy tình hình phát triển nhà ở của thành phố khá sôi động, mang dáng dấp của đô thị hiện đại.



*Hình: Nhà ở trên địa bàn thành phố*

Nhìn chung, nhà ở tại thành phố xây dựng theo dạng nhà liền kề bám sát theo các trục đường giao thông chính, dạng nhà ở có sân, vườn,... một số khu ở mới đang xây dựng hạ tầng và cũng đã hình thành một số khu đô thị mới. Xen vào đó là các khu nhà ở cho công nhân, khu nhà ở cho sinh viên, khu nhà ở xã hội dành cho

người có thu nhập thấp, khu tái định cư nhằm phát triển quỹ nhà của đô thị trong tương lai.

Nhà ở tại các xã ngoại thành đạt các tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng đề ra trong chỉ tiêu về nhà ở theo tiêu chí nông thôn mới.

- Cơ quan công sở



*Hình: Trụ sở HĐND và UBND thành phố Tuyên Quang*

*Hình: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố Tuyên Quang*

Sau khi được công nhận đô thị loại III, thành phố Tuyên Quang đã đầu tư xây dựng mới, hoàn thiện hệ thống công sở của thành phố như: năm 2017 xây dựng trung tâm hành chính công với quy mô 444 m<sup>2</sup> với chi phí đầu tư xây dựng 12,526 tỷ đồng; năm 2019, xây dựng mới trung tâm bồi dưỡng chính trị thành phố với quy mô 530 m<sup>2</sup>, tổng chi phí đầu tư xây dựng 14,56 tỷ đồng; năm 2019, xây dựng mới Quảng trường trung tâm hành chính thành phố với quy mô 7.623 m<sup>2</sup>, chi phí đầu tư xây dựng 33,59 tỷ đồng; năm 2019, xây dựng mới nhà đa năng thành phố với quy mô 1.150 m<sup>2</sup> với chi phí đầu tư xây dựng 8,85 tỷ đồng; ....

Hiện tại, khu vực thành phố Tuyên Quang có hệ thống công trình công cộng phục vụ 3 cấp khá hoàn chỉnh: các công trình phục vụ cấp tỉnh đóng trên địa bàn, các công trình phục vụ toàn đô thị, các công trình phục vụ cấp phường, xã, các công trình hành chính cấp tỉnh, cấp thành phố, cơ quan công sở được xây dựng tập trung trên địa bàn phường An Tường.

- Y tế

Mạng lưới y tế từ cấp tỉnh đến cơ sở được củng cố, phát triển. Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh được đầu tư trang thiết bị theo hướng hiện đại và đang được nâng cấp, cải tạo... Đội ngũ y tế được tăng cường về số lượng và nâng cao về chất lượng. Các chương trình y tế Quốc gia được thực hiện có hiệu quả. Công tác xã hội hóa y tế được đẩy mạnh, phát triển nhiều cơ sở y tế tư nhân, đa dạng hóa các loại hình chăm sóc sức khỏe, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân. Công tác quản lý nhà nước về y tế được quan tâm chỉ đạo và thực hiện.

Trên địa bàn thành phố Tuyên Quang có hệ thống y tế đồng bộ, cơ sở khám chữa bệnh và trang thiết bị được đầu tư mới, hệ thống y tế ở các xã, phường đạt chuẩn Quốc gia. Trong năm đã có nhiều đợt khám chữa bệnh, phát thuốc từ thiện do các tổ chức chính trị, xã hội thực hiện trên địa bàn thành phố: Đoàn Thanh niên, Hội Chữ thập đỏ, Đoàn cán bộ y tế thành phố... Xã hội hóa ngành y tế được đẩy mạnh, phát triển nhiều cơ sở y tế tư nhân, đa dạng hóa các loại hình chăm sóc sức khỏe, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân.



*Hình: Cơ sở y tế trên địa bàn thành phố*

Ngoài ra, mạng lưới y tế tuyến xã trên địa bàn cũng được quan tâm, đầu tư. Công tác y tế dự phòng, chống dịch được đảm bảo, khoanh vùng không để dịch bùng phát trên diện rộng. Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm được triển khai tích cực, có hiệu quả.

**Bảng tổng hợp các cơ sở y tế trên địa bàn**

STT	Danh mục	Quy mô		Địa điểm
		Số giường	Số cán bộ CNVC	
A	<b>CÔNG TRÌNH Y TẾ CẤP ĐÔ THỊ</b>	<b>1.645</b>	<b>1.530</b>	

<b>I</b>	<b>Y tế tuyến tỉnh</b>	<b>1.495</b>	<b>1.156</b>	
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang	780	664	Phường Tân Hà
2	Bệnh xá Z113	30	14	Phường Đội Cấn
3	Bệnh viện Yên Sơn	200	240	Phường An Tường
4	Bệnh viện Lao và Phổi tỉnh Tuyên Quang	100	38	Phường An Tường
5	Bệnh viện Công an tỉnh	100	63	Phường Tân Hà
6	Bệnh viện Hương Sen	100	40	Phường Phan Thiết
7	Bệnh viện Đông y tỉnh Tuyên Quang	185	97	Phường Tân Hà
<b>II</b>	<b>Các trung tâm y tế và bệnh xá của tỉnh</b>		<b>120</b>	
1	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Tuyên Quang		120	Phường Tân Hà
<b>III</b>	<b>Các bệnh viện tư nhân</b>	<b>150</b>	<b>236</b>	
1	Bệnh viện đa khoa quốc tế Phương Bắc	150	236	Phường Tân Hà
<b>IV</b>	<b>Y tế tuyến thành phố</b>		<b>18</b>	
1	Trung tâm y tế thành phố		18	Phường Tân Quang
<b>B</b>	<b>CÔNG TRÌNH Y TẾ CẤP KHU Ở</b>			
<b>I</b>	<b>Trạm y tế</b>	<b>75</b>	<b>83</b>	
1	Trạm y tế phường Phan Thiết	5	5	Phường Phan Thiết
2	Trạm y tế phường Minh Xuân	5	5	Phường Minh Xuân
3	Trạm y tế phường Ý La	5	6	Phường Ý La
4	Trạm y tế phường Tân Quang	5	6	Phường Tân Quang
5	Trạm y tế phường Hưng Thành	5	5	Phường Hưng Thành
6	Trạm y tế phường Nông Tiến	5	6	Phường Nông Tiến
7	Trạm y tế phường Tân Hà	5	6	Phường Tân Hà

8	Trạm y tế phường Đội Cấn	5	5	Phường Đội Cấn
9	Trạm y tế phường An Tường	5	6	Phường An Tường
10	Trạm y tế phường Mỹ Lâm	5	7	Phường Mỹ Lâm
11	Trạm y tế xã Tràng Đà	5	6	Xã Tràng Đà
12	Trạm y tế xã Lương Vượng	5	5	Xã Lương Vượng
13	Trạm y tế xã Thái Long	5	5	Xã Thái Long
14	Trạm y tế xã An Khang	5	5	Xã An Khang
15	Trạm y tế xã Kim Phú	5	5	Xã Kim Phú
<b>II</b>	<b>Cơ sở KCB ngoài công lập</b>		<b>347</b>	
1	Phòng khám đa khoa An sinh		100	Phường Tân Hà
2	Phòng khám Hoàng Việt		65	Phường Tân Quang
3	Công ty trách nhiệm hữu hạn Đặng Quang - Phòng khám khám Đa khoa Tuyết Mai		52	Phường Phan Thiết
4	Phòng khám 153		130	Phường Tân Hà

(Nguồn: Phòng y tế thành phố cung cấp)

#### - Công trình văn hóa

Trên địa bàn thành phố hiện có 18 đền, chùa; xưa nay được cho là nổi tiếng linh thiêng như: Chùa An Vinh, Chùa Hang, Chùa Linh Thông,... trong đó có 12 ngôi đền thờ Mẫu thần như đền Quang Kiều, đền Hạ (*đền Tam Cờ*), đền Pha Lô, đền Lâm Sơn (*Lâm Sơn Linh Từ*), đền Thượng (*đền Mẫu Dùm*), đền Cầm, đền Gènh Quýt, đền Mẫu Ý La... cùng với đó là các hoạt động sinh hoạt văn hóa tâm linh gắn với các thiết chế trong tín ngưỡng thờ Mẫu. Như nghi lễ Châu Văn (hầu đồng) là một ví dụ, một hình thức diễn xướng dân gian mang đậm màu sắc tâm linh, đi cùng nó là kho tàng truyền thuyết, thần tích, huyền thoại về các thần linh, được thể hiện với âm nhạc, vũ điệu, các hình thức trang trí, trang phục, đạo cụ.

Bên cạnh các đền, chùa thành phố Tuyên Quang hiện vẫn đang còn di tích thành cổ Tuyên Quang được xây dựng vào cuối thế kỷ thứ 16 (*thời nhà Mạc*). Xen kẽ các công trình văn hóa mang tính lịch sử và tâm linh là những công trình văn hóa cấp đô thị như: bảo tàng, thư viện, rạp chiếu phim, trung tâm văn hóa thành phố,...





*Hình: Thành cổ Tuyên Quang  
(Thành nhà Mạc)*



*Hình Bảo Tàng tỉnh*

**- Thể dục thể thao**

Cơ sở vật chất ngành thể dục thể thao được đầu tư để tổ chức các sự kiện thể thao lớn.

Các công trình văn hóa, thể dục thể thao được quản lý, khai thác sử dụng đúng mục đích, cơ bản đáp ứng sinh hoạt cộng đồng, sinh hoạt văn hóa, vui chơi giải trí, luyện tập thể thao của nhân dân trong thành phố.



*Các công trình thể dục thể thao trên địa bàn*

Trên địa bàn thành phố có các trung tâm thể dục thể thao được quan tâm và đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường. Các công trình thể dục thể thao cấp đô thị được xây dựng khang trang gồm: nhà thi đấu đa năng; sân vận động tỉnh, trung tâm văn hóa thể thao thành phố... Nhiều công trình thể thao ở các phường như: sân bóng đá, sân cầu lông, sân quần vợt, bể bơi. Bên cạnh đó, các tổ dân phố, thôn đều có bố trí điểm vui chơi, sân thể dục thể thao, nhà văn hóa khu dân cư, 100% số xã, phường có điểm vui chơi, thể dục thể thao. Ngoài ra, còn có nhiều sân cầu lông, sân bóng chuyền, phòng tập, bãi tập giúp cho phong trào thể dục thể thao của thành phố ngày càng phát triển, đảm bảo sức khỏe cho người dân, giảm gánh nặng, sức ép cho các cơ sở y tế, tránh xa các tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống lành mạnh, thể hiện nhịp sống của người dân đô thị hiện đại, năng động.

Hàng năm, vào mùa lễ hội thành phố tổ chức các lễ hội truyền thống kết hợp tổ chức ngày hội văn hóa - thể thao, tạo ra không khí phấn khởi thi đua lao động, sản xuất, học tập cho toàn thể cán bộ, Đảng viên và nhân dân trên địa bàn. Các môn thể thao truyền thống như: kéo co, đẩy gậy, bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, cờ tướng được tổ chức trong các ngày hội góp phần thúc đẩy phong trào tập luyện thể dục thể thao.

- Giáo dục - đào tạo

Sau 10 năm (2009-2019) hệ thống giáo dục trên địa bàn đã được đầu tư, nâng cấp và mở rộng mô hình các trường học. Số lượng các trường, phòng học, trang thiết bị dạy và học đã được đầu tư đạt chuẩn. Sự nghiệp giáo dục và đào tạo thành phố Tuyên Quang phát triển toàn diện và ổn định, tiếp tục giữ vị trí là đơn vị dẫn đầu của tỉnh về chất lượng giáo dục. Quy mô trường lớp được quan tâm đầu tư phát triển cả về cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên, đảm bảo từng bước duy trì giữ vững kết quả phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục Trung học cơ sở mức độ 2, phổ cập xóa mù chữ mức độ 2.

Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ tại các cơ sở giáo dục Mầm non ngày càng tốt hơn. 100% trẻ được học 2 buổi/ngày, tỷ lệ huy động trẻ đi nhà trẻ đạt 52,8%. Phong trào khuyến học, khuyến tài thành phố phát triển cả về bề rộng và chiều sâu; xây dựng quỹ khuyến học được quan tâm và kịp thời khen thưởng, trao học bổng, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, đồng thời tiếp nhận thạc sỹ, sinh viên Đại học tốt nghiệp loại giỏi về thành phố công tác theo hình thức thu hút nhân tài.

Để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, việc xây dựng hệ thống trường đã được thành phố đặc biệt quan tâm. Trong gia đoạn 10 năm trở lại đây, thành phố đã đầu tư xây dựng 38 trường học mới và nâng cấp, cải tạo 02 trường học với tổng kinh phí đầu tư 183 tỷ đồng. Hiện tại thành phố có 46/64 đạt 71,9% các trường mầm non, phổ thông đạt Chuẩn Quốc gia.



*Trường THPT Tân Trào*



*Trường Mầm non Tân Trào*

- Thương mại - dịch vụ

Trên địa bàn thành phố trong thời gian vừa qua đã phát triển mô hình kinh doanh siêu thị, trung tâm chuyên doanh và nhiều cửa hàng tự chọn. Hoạt động kinh doanh các hộ cá thể và hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị phát triển như: Trung tâm thương mại Royal Plaza, trung tâm thương mại Tuyên Quang, VinMart - Vincom, siêu thị điện máy xanh, siêu thị điện máy Công Vũ, siêu thị sách... Hệ thống khách sạn, nhà hàng được xây dựng như Mường Thanh, Royal Palace Hotel,... đáp ứng nhu cầu nghỉ dưỡng của du khách.



*Hình: Một số cơ sở thương mại - dịch vụ trên địa bàn thành phố*

Dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm phát triển nhanh, thành phố đã tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức tín dụng, ngân hàng triển khai 21 chi nhánh cấp 1, gần 70 điểm giao dịch trên địa bàn với nhiều phương thức huy động vốn, góp phần quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội. Ngoài ra, còn có rất nhiều chợ truyền thống phục vụ các khu dân cư trong đô thị.

Hệ thống cơ sở hạ tầng đã và đang phát triển là một động lực rất lớn để đẩy mạnh các dịch vụ thương mại phát triển. Bên cạnh đó, trên địa bàn có khá nhiều điểm giao dịch, chi nhánh của hầu hết ngân hàng lớn: Agribank, Vietcombank, Vietinbank, Sacombank,... cơ bản đáp ứng nhu cầu giao dịch của người dân, thuận lợi cho các giao dịch kinh tế.

- b) Về hạ tầng kỹ thuật
- Hạ tầng giao thông

Trong 10 năm đầu tư xây dựng, thành phố Tuyên Quang đã có một hệ thống đường giao thông đồng bộ với tổng chiều dài đường giao thông đạt 237,36 km (tăng 129,5 km so với năm 2009), trong đó có 208,06 km đường nội thành (tăng 114 km so với năm 2009) và 29,3 km đường nông thôn (tăng 25,5 km so với năm 2009).

+ Giao thông đường bộ:

Thành phố Tuyên Quang là đầu mối giao thông vùng tỉnh, liên vùng, mạng lưới giao thông bao gồm: đường bộ và đường thủy.

+ Giao thông đối ngoại:

Mạng lưới giao thông đường bộ thành phố Tuyên Quang gồm trục Quốc lộ 2, nối liền với huyện Yên Sơn, có chiều dài 20 km, mặt đường rộng trung bình 21 m; Quốc lộ 2C kết nối thành phố Tuyên Quang với huyện Yên Sơn (xã Tân Long), có chiều dài 8,8 km, mặt đường rộng từ 7 đến 15 m; Quốc lộ 37 kết nối thành phố Tuyên Quang với huyện Yên Sơn, có chiều dài 15,47 km, mặt đường rộng trung bình 15 m. Đường Tỉnh lộ 186 có chiều dài 4 km, nối Quốc lộ 2 với huyện Sơn Dương.



*Hình: Đường Bình Thuận, thành phố Tuyên Quang*



*Hình: Nút giao Quốc lộ 37 và đường Quốc lộ 2 tránh thành phố Tuyên Quang*

+ Giao thông nội thành:

Mạng lưới đường nội thành thành phố Tuyên Quang được tổ chức chủ yếu dựa theo địa hình tự nhiên:

Khu vực đô thị cũ hiện tại có các tuyến đường chính như đường Tân Trào (quy mô 40 m), đường Phạm Văn Đồng (quy mô 24 m), đường Trần Hưng Đạo (quy mô 21 m), đường Nguyễn Tất Thành (quy mô 60m), đường 17/8 (quy mô 28m),... còn lại các tuyến khác có quy mô nhỏ dưới 17,5 m, các đường trong thành phố trong khu vực này chưa có quy hoạch đồng bộ, chiều rộng vỉa hè còn nhỏ chưa đủ chiều rộng cho người đi bộ.

Khu đô thị mới tính từ đường Quang Trung về phía Tây của đô thị, khu vực được quy hoạch xây dựng đồng bộ, chiều rộng các tuyến đường lớn (đường Quang Trung 26 m, Bình Thuận 33 m, trong khu vực đang đầu tư xây dựng tuyến đường Lý Thái Tổ quy mô 40 m).

Giao thông đường thủy: Tuyến đường thủy trên sông Lô đi qua địa phận thành phố Tuyên Quang dài khoảng 31 km, trên tuyến có các cảng thành phố Tuyên Quang, cảng An Hòa. Các cảng trên địa bàn thành phố hiện nay chưa có bãi xếp dỡ hàng hoá, cầu cảng và khu vực đón khách hoàn chỉnh.

Cầu: Hiện tại thành phố có 05 cầu qua sông Lô là cầu Tân Hà, cầu Nông Tiến, khổ cầu 11,5 m có hai làn xe cơ giới 7,5 m; cầu Bình Ca chiều dài toàn cầu 543 m, mặt cắt ngang cầu là 12 m, khổ thông thuyền đảm bảo chiều rộng 50 m, chiều cao 7 m; cầu An Hòa, khổ cầu 4,5 m; cầu Tinh Húc với khổ cầu 16,5 m.

Vận tải hành khách công cộng: Hiện tại thành phố có 03 tuyến vận tải hành khách công cộng đi qua trung tâm một số xã, thị trấn các huyện trong tỉnh: Tuyến số 1: Thị trấn Sơn Dương - thành phố Tuyên Quang - Đại học Tân Trào; tuyến số 2: thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên (*tỉnh Tuyên Quang*) - Bệnh viện đa khoa Hùng Vương (*xã Chí Đám, huyện Doan Hùng, tỉnh Phú Thọ*); tuyến số 3: thành phố Tuyên Quang đi thị trấn Vĩnh Lộc, Chiêm Hóa. Dự kiến thời gian tới sẽ đưa vào hoạt động tuyến số 4: Đại học Tân Trào - công ty chè Mỹ Lâm; tuyến số 5: Mỹ Bằng - thị trấn Sơn Dương.

Bến xe trung tâm thành phố trên đường Chiến Thắng Sông Lô có diện tích khoảng 5.900 m<sup>2</sup> đạt tiêu chuẩn loại III, lưu lượng xuất nhập xe từ 150 xe/ngày. Trong đó: phục vụ nội tỉnh 30 phút/chuyến, phục vụ liên tỉnh 30 phút/chuyến. Do hai bên bến xe là khu dân cư đông đúc, phía sau là sông Lô do đó không có khả năng mở rộng. Thành phố đang phối hợp với các ngành liên quan để tham mưu đề xuất với UBND tỉnh đầu tư xây dựng bến xe khách mới kết hợp trạm dừng nghỉ phía Nam thành phố Tuyên Quang với quy mô khoảng 4,7 ha, dự kiến sẽ khởi công trong năm 2020.



Hình: Bến xe thành phố Tuyên Quang

Ngoài ra, thành phố Tuyên Quang chưa có bãi đỗ xe tập trung lớn nào, hầu hết các điểm đỗ xe đều nhỏ lẻ và tự phát.

- Cấp điện, chiếu sáng đô thị

Hệ thống lưới điện Quốc gia đã phủ kín toàn địa bàn, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của nhân dân. Sản lượng điện tiêu thụ cũng ngày một tăng. Năm 2019 sản lượng điện tiêu thụ là 232.023.907 kwh. Chiều dài các tuyến đường được chiếu sáng đạt 159,89 km (năm 2009 chiếu sáng đạt 103 km), trong đó tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 96,2%, tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng đạt 63,3%.

*Hình: Hệ thống chiếu sáng đường phố thành phố Tuyên Quang*

+ Hệ thống điện chiếu sáng: Tại khu vực trung tâm và trên trục đường chính, đường nhánh đã được đầu tư xây dựng mới. Tại các xã, đường thôn hệ thống điện chiếu sáng được đầu tư theo hình thức xã hội hóa từ chính người dân đóng góp, lắp đặt.

- Cấp nước đô thị

Những năm gần đây, thành phố đã tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các trạm cấp nước đảm bảo đáp ứng được nhu cầu cần sử dụng nước sạch phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Hiện nay, trên địa bàn thành phố có 01 nhà máy cấp nước chính công suất 17.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm được khai từ các giếng khoan N1, N2, N3, N4, N5, N6, N7, N10 đưa về xử lý tại trạm II trong trụ sở chính của Công ty Cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang, tổ 9, phường Hưng Thành. Ngoài ra, còn được khai thác, xử lý, cung cấp bởi các giếng độc lập như: Giếng khoan xã Tràng Đà; giếng khoan N11 phường Nông Tiến; giếng khoan N8 phường Ý La; giếng khoan N9 xã Thắng Quân; giếng khoan xã Kim Phú; giếng khoan phường Đội Cấn và trạm xử lý nước mặt 5.000 m<sup>3</sup>/ngày phường Minh Xuân.



*Hình: Trạm xử lý nước mặt 5.000 m<sup>3</sup>/ngày phường Minh Xuân*

Nguồn nước thô từ các giếng được đưa vào thiết bị xử lý. Nước qua hệ thống xử lý bằng công nghệ lọc áp lực đạt quy chuẩn và được chứa vào các bể chứa có dung tích 1.000 m<sup>3</sup>, 500 m<sup>3</sup>, 250 m<sup>3</sup> tại trụ sở Công ty Cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang. Dùng máy bơm, bơm nước từ các bể chứa vào hệ thống đường ống

cấp nước chung của thành phố. Trạm bơm cấp II có 03 máy bơm, 02 máy có công suất 250 m<sup>3</sup>/giờ và 1 máy công suất 100 m<sup>3</sup>/giờ (có 02 máy bơm dự phòng công suất 250 m<sup>3</sup>/giờ và 100 m<sup>3</sup>/giờ), các máy bơm của hãng Ebara có cột nước 58 m. Công suất trạm là 14.400 m<sup>3</sup>/ngđ.

Tính đến năm 2019, tỷ lệ hộ dùng nước sạch trên địa bàn thành phố là 95,22%. Trong đó dân số khu vực nội thành được cấp nước sạch 97,22%. Mạng lưới phân phối nguồn nước chính hiện tại ở Tuyên Quang có đường kính 100 mm đến 300 mm có tổng chiều dài khoảng 25.000 m được đầu tư qua nhiều thời kỳ khác nhau và cho đến nay đã phủ kín được cơ bản các khu vực trung tâm thành phố Tuyên Quang. Mạng lưới đường ống cấp nước truyền tải được đầu tư xây dựng chủ yếu là ống gang cầu. Bên cạnh đó, mạng lưới cấp nước phân phối và dịch vụ được đầu tư xây dựng bằng ống thép mã kẽm; ống nhựa uPVC và ống nhựa HDPE.

- Thoát nước đô thị



Hình: Công thoát nước trên địa bàn thành phố

Hiện trạng hệ thống thoát nước của thành phố là thoát chung nước thải và nước mưa. Hiện nay, thành phố đã xây dựng hệ thống cống dọc theo các đường phố gắn với hệ thống ống thoát nước. Tổng chiều dài đường cống thoát nước đã xây lắp là 137,16 km, tỷ lệ nước thải được xử lý là 24,06%.

- Thông tin liên lạc, bưu điện, bưu chính - viễn thông

+ Thông tin, viễn thông:

Dịch vụ viễn thông khu vực trung tâm thành phố Tuyên Quang được các doanh nghiệp tập trung phát triển, cung cấp nhiều loại hình dịch vụ mới, chất lượng cao, người dân có nhiều sự lựa chọn dịch vụ và nhà cung cấp phù hợp với điều kiện của mình.

Mạng lưới cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc trên địa bàn trong thời gian qua được đầu tư mở rộng và nâng cao chất lượng, tập trung chủ yếu vào phát triển

mạng di động và mạng băng rộng, tối ưu lại cáp đồng có sẵn để nâng cao hiệu quả. Triển khai các biện pháp quản lý, điều hành để nâng cao hiệu quả của công tác vận hành khai thác mạng lưới và xử lý sự cố. Với những đột phá về các dịch vụ băng thông rộng, internet tốc độ cao cùng với sự mở rộng nhiều dịch vụ sử dụng thẻ, mạng cố định... Đối với công tác hạ ngầm đường dây điện, hệ thống thông tin liên lạc, viễn thông đang được triển khai trên các tuyến phố.

Năng lực mạng cáp quang thuê bao đã mở rộng đến tất cả các xã, phường, qua đó, có khả năng cung cấp các dịch vụ băng thông rộng đã phủ kín toàn tỉnh. Triển khai thành công mạng WAN kết nối từ trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đến tất cả các sở ban ngành và các xã, phường, phục vụ việc truyền dữ liệu, Hội nghị truyền hình của tỉnh, hệ thống phần mềm liên thông một cửa, hành chính công... đóng góp tích cực trong việc hiện đại hóa nền hành chính.

Trong những năm gần đây, đã có 02 dự án đầu tư mở rộng năng lực mạng lưới cáp quang với tổng khối lượng là 530 km cáp quang các loại, nâng tổng số km cáp quang lên 1.080 km. Năng lực mạng cáp quang thuê bao đã mở rộng đến tất cả các xã, phường. Qua đó, có khả năng cung cấp các dịch vụ băng thông rộng đã phủ kín toàn tỉnh. Triển khai thành công mạng WAN kết nối từ trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đến tất cả các sở ban ngành và các xã, phường, phục vụ việc truyền dữ liệu, Hội nghị truyền hình của tỉnh, hệ thống phần mềm liên thông một cửa, hành chính công... đóng góp tích cực trong việc hiện đại hóa nền hành chính. Đã hoàn thành phát sóng 22 trạm 3G, trong đó: có 4 trạm 3G tần số 900Mhz, 18 trạm 3G tần số 2100Mhz, nâng tổng số trạm lên 234 trạm 3G tần số 2100Mhz.

Về mạng băng thông rộng hiện có 18 trạm OLT với tổng dung lượng có thể phục vụ là 24.072 thuê bao. Tỷ lệ khách hàng băng rộng cố định được triển khai cung cấp dịch vụ đáp ứng thời gian quy định tăng từ 48,54% lên 99,36%. Với các giải pháp linh hoạt từ quản lý, điều hành đến việc đầu tư nâng cao năng lực mạng lưới viễn thông - công nghệ thông tin. Tổng hợp tổng số thuê bao khu vực nội thành là 110.469 thuê bao, bình quân số thuê bao khu vực nội thành đạt 44,19 thuê bao/100 dân. Tỷ lệ phủ sóng thông tin trên địa bàn đạt 100%.

+ Truyền thanh, truyền hình:



*Hình: Thông tin liên lạc và truyền thanh truyền hình*

Hệ thống truyền thanh, truyền hình đã được xây dựng, sửa chữa, nâng cấp bảo đảm cung cấp kịp thời những thông tin kinh tế - xã hội, chủ trương đường lối, chính sách, Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, địa phương đã thực hiện tốt các chức năng sản xuất, phát và tiếp sóng các chương trình truyền thanh bằng tiếng Việt trên hệ thống loa truyền thanh, thiết bị phát sóng, phát thanh được trang bị nhằm tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; tập trung vào sự chỉ đạo,



điều hành của chính quyền địa phương; phối hợp với Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh sản xuất chương trình phát thanh, trang truyền hình địa phương; đưa tin, bài phản ánh các hoạt động của địa phương để phát sóng trên Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh. Được sự đồng tình của nhân dân toàn thành phố.

Bên cạnh đó, hệ thống Đài truyền thanh, truyền hình thành phố Tuyên Quang đã tiếp, phát sóng truyền hình Trung ương, phủ sóng tới tất cả các xã trên địa bàn giúp cho người dân nắm bắt kịp thời các thông tin mới, các chính sách của Đảng và nhà nước cũng như các chính sách của địa phương.

#### - Quản lý chất thải và vệ sinh môi trường đô thị

Hiện trạng hệ thống thoát nước của thành phố là thoát chung nước thải và nước mưa. Hiện nay thành phố đã xây dựng hệ thống cống dọc theo các tuyến đường phố gắn với hệ thống ống thoát nước.

#### + Chất thải rắn y tế:

Tất cả các cơ sở y tế ở thành phố đều thực hiện phân loại và thu gom ngay tại cơ sở (nơi phát sinh chất thải rắn y tế theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-TNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chất thải rắn y tế nguy hại như chất thải rắn lây nhiễm được thu gom, sau đó được chuyên bằng xe chuyên dụng tới kho bảo ôn tại khu vực lò đốt chất thải rắn y tế hoặc được các bệnh viện tự xử lý bằng phương pháp đốt. Tỷ lệ chất thải y tế được các cơ sở y tế xử lý, tiêu hủy đạt 100%.

#### + Nghĩa trang - nhà tang lễ:

Hiện tại trên địa bàn thành phố các nghĩa trang tại các phường Ý La, Hưng Thành đã đóng cửa. Thành phố đã có 01 nhà tang lễ trong bệnh viện đa khoa tỉnh, trong thời gian sắp tới cần thiết phải xây dựng thêm 01 nhà tang lễ để đáp ứng nhu cầu của người dân.

Các nghĩa trang hầu hết chưa được đầu tư xây dựng hạ tầng, đường vào ra nghĩa trang. Các xã đều đã có quy hoạch các khu vực nghĩa trang tập trung theo tiêu chí của nông thôn mới.

#### - Công viên cây xanh



*Hình: Hệ thống công viên, cây xanh đường phố thành phố Tuyên Quang*

Trên địa bàn có 18 công viên và các vườn hoa cây xanh tại các phường, xã gồm: Công viên trung tâm, công viên Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sĩ tỉnh và hồ Tân Quan, công viên bờ sông Lô, khu công viên hồ Nông Tiến, vườn cây Xuân Hoà, vườn cây trước cổng Sở Y tế ... Ngoài ra, hệ thống cảnh quan cây xanh của các công trình hành chính, doanh nghiệp góp phần làm tăng tỷ lệ cây xanh, tạo môi

trường cảnh quan sạch đẹp, góp phần tăng giá trị thẩm mỹ chính yếu và phục vụ nhân dân trên địa bàn thành phố Tuyên Quang.

## **6. Kiến trúc cảnh quan khu vực nội thành**

### **a) Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị**

Trong quá trình phát triển thành phố Tuyên Quang, để thực hiện quản lý nhà nước về quản lý đô thị các lĩnh vực: quản lý quy hoạch kiến trúc, đất đai, đầu tư xây dựng; sử dụng, khai thác các tiện ích từ hệ thống hạ tầng đô thị, môi trường và trật tự an toàn đô thị... sau khi quy hoạch đô thị được phê duyệt, UBND tỉnh Tuyên Quang chỉ đạo ban hành Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc trên địa bàn thành phố, từ đó thành phố tổ chức triển khai thực hiện. Việc xây dựng phát triển đô thị được thành phố thống nhất quản lý theo quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng (*đối với khu vực hiện hữu*) và theo quy định quản lý xây dựng (*đối với các dự án khu đô thị mới, khu dân cư được lập quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư xây dựng*).

### **b) Tuyên phổ văn minh đô thị**

Thành phố Tuyên Quang có mạng lưới giao thông bố trí hợp lý. Một số tuyến đường trục chính khu vực nội thành đã được đầu tư xây dựng về hạ tầng kỹ thuật như: hệ thống điện chiếu sáng, vỉa hè, cây xanh được trồng có chọn lọc, có điểm nhấn..., hình thành những tuyến phố đẹp, văn minh trong đô thị đã góp phần quan trọng vào cảnh quan chung của khu vực nội thành. Trong những năm qua, thành phố đã tăng cường trật tự, kỷ cương, văn minh đô thị; UBND thành phố Tuyên Quang tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về quản lý, chỉnh trang đô thị, vệ sinh môi trường, qua đó, công tác quản lý trật tự đô thị trên địa bàn có nhiều chuyển biến tích cực, ý thức chấp hành pháp luật của các tổ chức và người dân được nâng cao, bộ mặt đô thị ngày một khang trang. Thành phố đã huy động mọi nguồn lực để xây dựng và phát triển thành phố theo hướng bền vững, văn minh, hiện đại.

Trong những năm qua, được sự quan tâm, chỉ đạo của tỉnh, thành phố Tuyên Quang đã tập trung xây dựng theo hướng đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị, các tuyến đường được rải thảm nhựa và nâng cấp mặt đường, xây dựng bó vỉa, lát gạch block vỉa hè, xây dựng cải tạo hệ thống điện trang trí và điện chiếu sáng, trồng cây xanh thảm cỏ, công tác quản lý trật tự lòng lề đường được duy trì bảo đảm đường thông hệ thoáng. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền xây dựng nếp sống văn minh đô thị, treo cờ trong các ngày lễ, các sự kiện, không phơi phóng trước mặt nhà, không che chắn làm mất mỹ quan đường phố; vệ sinh môi trường đường phố được bảo đảm. Thành phố hiện có 6 tuyến đường chính và 6 tuyến đường đô thị được công nhận là tuyến phố văn minh đô thị.

Tiếp tục thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, có trên 95% hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa và 81% thôn, xóm, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa. Mới đây tỉnh đã ban hành Quyết định công nhận 06 tuyến đường, tuyến phố văn minh đô thị năm 2019. Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị đạt 54,5%.

### **c) Cải tạo, chỉnh trang đô thị**

Phát huy tối đa các nguồn lực, thành phố tập trung quy hoạch và đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị. Ngoài những khu đô thị mới, khu dân cư tập trung được các nhà đầu tư xây dựng, thành phố còn triển khai thực hiện nâng cấp, cải tạo nhiều hạng mục xây dựng trong các khu dân cư cũ: nhiều tuyến đường giao thông kết nối nội ngoại thành, các tuyến đường trung tâm, có mặt cắt rộng 30 – 100 m được xây mới hoặc cải tạo, nâng cấp theo tiêu chí đô thị hiện đại. Các công trình phúc lợi công cộng như trường học, nhà văn hóa, trạm y tế, vườn hoa... được đầu tư xây dựng mới, nâng cấp cải tạo đồng bộ, hiện đại và phục vụ thiết thực cho nhu cầu sử dụng của nhân dân. Giai đoạn từ 2012 - 2019, thực hiện theo quy hoạch, đã tổ chức nâng cấp, cải tạo 44 dự án (khu) bao gồm nâng cấp, cải tạo và xây mới hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhà ở trong các khu dân cư theo quy hoạch. Trong năm 2019, thành phố đã triển khai 07 dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị như: Xây dựng Quảng trường trung tâm hành chính thành phố Tuyên Quang; cải tạo, xử lý ô nhiễm môi trường hồ Tân Hà; cải tạo và trồng mới cây xanh đô thị các tuyến phố chính,...

#### d) Không gian công cộng đô thị



*Hình: Quảng trường Nguyễn Tất Thành*

Thành phố đã triển khai xây dựng và chỉnh trang cải tạo nhiều công trình điểm nhân lịch sử - văn hóa, kiến trúc đô thị như: quảng trường Nguyễn Tất Thành, bảo tàng tỉnh,... công trình kiến trúc được gắn với không gian quảng trường hình thành không gian sinh hoạt cộng đồng của người dân đô thị. Hiện có các khu vực sử dụng cho sinh hoạt công cộng ngoài trời là quảng trường, công viên và các không gian tại các khu di tích lịch sử, di tích văn hóa.

#### đ) Công trình kiến trúc tiêu biểu

Thành phố Tuyên Quang là nơi hội tụ những nền văn hóa có nhiều lễ hội độc đáo và những di tích lịch sử gắn với quá trình đấu tranh dựng nước, giữ nước của dân tộc như: đền Ý La, Thành nhà Mạc... Bên cạnh những công trình di tích mang đậm tính lịch sử, thời gian gần đây với tốc độ phát triển kinh tế khá nhanh, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao, nhu cầu xây dựng các công trình công cộng, phúc lợi xã hội rất lớn do đó thành phố đã chú trọng cho xây dựng những công trình có kiến trúc tiêu biểu như công trình Tượng đài Bác Hồ với nhân dân các dân tộc tỉnh Tuyên Quang, đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh tại quảng trường, Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ... tạo ra một môi trường không gian văn hóa, một

khu vực vui chơi, nghỉ ngơi, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần và xã hội đáp ứng được nhu cầu của nhân dân, khách tham quan du lịch khi đến với thành phố Tuyên Quang. Công trình kiến trúc tiêu biểu đã trở thành nơi sinh hoạt văn hóa cộng đồng, nơi giáo dục truyền thống cho các thế hệ về tinh thần đoàn kết, niềm tự hào dân tộc và uống nước nhớ nguồn của người dân Tuyên Quang nói riêng và người dân cả nước nói chung.



Hình: Công trình di sản, văn hóa lịch sử và kiến trúc tiêu biểu

Công tác kiểm tra, quản lý hoạt động của các di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn thường xuyên được quan tâm. Thành phố có 63 điểm du lịch lịch sử, văn hoá và duy trì tổ chức nhiều lễ hội văn hoá độc đáo hàng năm như: Lễ hội đua thuyền, lễ hội chùa Hương Nghiêm, lễ hội đền Hạ - đền Thượng - đền Ý La, lễ hội thành Tuyên. Trong đó có nhiều điểm di tích đền, chùa đã trở thành thế mạnh trong việc phát triển du lịch văn hóa tâm linh của thành phố, hàng năm thu hút một lượng lớn khách du lịch. Nơi đây còn lưu dấu ấn bàn tay tài hoa của con người trên những di tích, kiến trúc nghệ thuật, đình, chùa, đền, miếu... trong đó có nhiều di tích được xếp hạng cấp Quốc gia như: Thành nhà Mạc, đền Hạ, đền Thượng, đền Ý La...; một số công trình được công nhận là công trình tiêu biểu cấp quốc gia như: Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ, Quảng trường Nguyễn Tất Thành; Các hoạt động bảo tồn di tích, phát huy di sản văn hoá dân tộc và lễ hội được quan tâm thường xuyên. Phối hợp với bảo tàng tỉnh triển khai việc thực hiện chương trình đầu tư mục tiêu chống xuống cấp đối với di tích bị xuống cấp với kinh phí đầu tư từ nguồn ngân sách và nguồn xã hội hóa.

### **7. Cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực ngoại thành**

Các xã khu vực ngoại thành trong phạm vi nghiên cứu lập đề án hiện nay đã đạt các tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo quy định tại Quyết định số 491/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 16/4/2009 về việc ban hành bộ tiêu chí Quốc Gia về nông thôn mới và Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số tiêu chí của Bộ Tiêu chí Quốc Gia về nông thôn mới. Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường và kiến trúc cảnh quan đạt được như sau:

a) Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội

- Trường học

Yêu cầu tiêu chí: Xã đạt tiêu chí trường học khi có 100% trường học các cấp có cơ sở vật chất đạt chuẩn Quốc gia.

Kết quả đạt được:

Mạng lưới trường lớp, quy mô giáo dục tiếp tục phát triển ở tất cả các cấp học, toàn thành phố đã hoàn thành phổ cập giáo dục trẻ mầm non 5 tuổi; phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 1 và Trung học cơ sở được duy trì ở mức độ cao. Công tác quy hoạch đô thị đã giành quỹ đất để xây dựng trường học.

- Cơ sở vật chất văn hóa

Yêu cầu tiêu chí:

+ Nhà văn hóa và khu thể thao đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010.

+ Tỷ lệ thôn, ấp có nhà văn hóa và khu thể thao thôn, ấp theo Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011.

Kết quả đạt được:

+ Nhà văn hóa thôn: Hiện nay, các thôn của 05 xã đã có hội trường sinh hoạt cho từng thôn.

+ Các thiết chế văn hóa xã cũng đã được hình thành và phát triển ổn định.

- Chợ nông thôn

Yêu cầu tiêu chí: Chợ đạt chuẩn theo quy định.

Kết quả đạt được: Hiện các xã ngoại thành trong phạm vi nghiên cứu lập đề án đã có chợ được xây dựng kiên cố, khang trang, đảm bảo mỹ quan đô thị và đạt chuẩn chợ dân sinh loại 3 kinh doanh các mặt hàng chủ yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày.

Theo quy định tại Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ đối chiếu với tiêu chuẩn phân loại đô thị yêu cầu đạt 70 - 80% của Tiêu chí số 7 - Chợ.

- Nhà ở dân cư

Yêu cầu tiêu chí: Không có nhà tạm, dột nát; 90% hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng

Kết quả đạt được: Trên địa bàn các xã không có nhà tạm dột nát.

b) Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật

- Giao thông

Yêu cầu tiêu chí:

+ 100% km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa, bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải.

+ 100% km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải.

+ 100% km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa (đường được cứng hóa).

+ 100% km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện.

Kết quả đạt được

+ Đường trục xã, liên xã đã được nhựa hóa 100%.

+ Các tuyến đường trục thôn, xóm được đều có mặt cắt lòng đường từ 3 - 7m; 50% tổng số tuyến đường được trải bê tông nhựa, số còn lại được đổ bê tông mác cao, đạt 100%.

+ Các tuyến đường ngõ, xóm hàng tuần đều được vệ sinh sạch sẽ và không lầy lội vào mùa mưa, đạt 100%.

+ 100% tuyến đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận lợi.

- Điện

Yêu cầu tiêu chí: Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện: 99% hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.

Kết quả đạt được:

+ Các tuyến đường dây trung thế, đường dây hạ thế và trạm biến áp được đầu tư xây dựng đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện đang vận hành và phát huy tác dụng tốt phục vụ sinh hoạt và sản xuất cho nhân dân.

+ Hiện nay 100% số hộ gia đình khu vực ngoại thành đều sử dụng điện Quốc gia và tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt 100%.

c) Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường

Yêu cầu tiêu chí:

+ 90% hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia.

+ Các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn đạt chuẩn về môi trường.

+ Không có các hoạt động gây suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp.

+ Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch.

+ Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định.

Kết quả đạt được:

+ 100% hộ dân khu vực ngoại thành được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh. Trên địa bàn các xã không có các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường.

+ Địa phương không có các hoạt động gây suy giảm môi trường, hàng năm đều có các phong trào vệ sinh môi trường nông thôn.

+ Các xã ngoại thành mỗi khu dân cư hiện vẫn tồn tại một nghĩa trang nhân dân riêng.

+ Các xã đã tổ chức bộ phận thu gom và tập trung tại vị trí gom rác của đô thị để đưa đi xử lý tại bãi rác tập trung đạt > 90%. Nước thải sinh hoạt theo quy hoạch được thu gom vào hệ thống mương thoát chung của đô thị.

d) Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan

Quỹ đất nông nghiệp khu vực ngoại thành luôn được bảo vệ và giữ vững diện tích; các hoạt động văn hóa truyền thống cùng với nhiều ngành nghề nổi tiếng, nhiều cảnh quan đẹp là tiềm năng lớn để phát triển ngành du lịch như: du lịch văn hóa, lễ hội, du lịch sinh thái,...

### **8. Đánh giá hiện trạng khắc phục các tiêu chí còn thiếu của tiêu chuẩn đô thị loại III (2009)**

Thành phố Tuyên Quang được công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 694/QĐ-BXD ngày 25/6/2009 của Bộ Xây dựng. Các tiêu chuẩn còn thiếu đã được Đảng ủy, chính quyền các cấp cùng với sự quyết tâm, đoàn kết của nhân dân trên địa bàn quan tâm, tập trung đầu tư, sau 10 năm (2009-2019) đến nay cơ bản thành phố Tuyên Quang đã khắc phục và hoàn thiện các tiêu chuẩn theo quy định, cụ thể như sau:

- Tỷ lệ tăng dân số hàng năm (năm 2009) đạt 1,17%. Thành phố đã thực hiện các giải pháp nhằm thu hút đầu tư, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, đầu tư xây dựng phát triển các khu công nghiệp, các khu du lịch, hệ thống giáo dục, y tế,... để thu hút người lao động, học sinh, sinh viên đến sinh sống và làm việc trên địa bàn. Đến nay (năm 2019) tỷ lệ tăng dân số hàng năm của thành phố Tuyên Quang đạt 2,46%/năm.

- Dân số toàn đô thị năm 2009 thiếu (*dân số: 110.119 người*). Năm 2019, sau khi thực hiện mở rộng thành phố Tuyên Quang, dân số toàn đô thị đã đạt tiêu chuẩn quy định (*dân số: 335.012 người*).

- Số lượng nhà tang lễ trên đại bàn năm 2009 thiếu (*01 nhà tang lễ*). Thành phố đang đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án xây dựng Bệnh viện suối khoáng Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 29/4/2020 của HĐND tỉnh, trong đó có Nhà tang lễ, dự kiến hoàn thành trong năm 2022; mặt khác, theo quy định mới tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thành phố Tuyên Quang đã đảm bảo tiêu chuẩn về nhà tang lễ.

Sau 10 năm đầu tư phát triển, thành phố Tuyên Quang đã hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại III và xây dựng đối với tất cả các tiêu chí nhằm phát triển đô thị một cách toàn diện và nâng cao chất lượng đô thị. Phần đầu đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị và hạ tầng xã hội theo tiêu chí của đô thị loại II được quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

### **IV. TỔNG HỢP CÁC TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG THEO TIÊU CHÍ CỦA ĐÔ THỊ LOẠI II**

Căn cứ đánh giá, phân loại đô thị:

Trên cơ sở hiện trạng và các số liệu năm 2019 do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp, công bố. Qua tổng hợp, phân tích số liệu và đối chiếu với các quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 để đánh giá điểm theo 5 tiêu chí quy định đối với đô thị loại II trực thuộc tỉnh.

Phương pháp tính điểm:

Điểm số để đánh giá, phân loại đô thị được cụ thể hóa bằng 5 tiêu chí và 59 tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13. Các tiêu chuẩn đạt mức tối đa được tính điểm tối đa, đạt mức tối thiểu được tính điểm tối thiểu, đạt mức giữa tối đa và tối thiểu được tính điểm nội suy giữa cận trên và cận dưới.

**Tiêu chí 1: Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội (Đạt 18,04/20 điểm)**

**1. Tiêu chuẩn vị trí, chức năng vai trò (Đạt 3,75/5 điểm)**

- Là trung tâm hành chính, chính trị, giao lưu kinh tế, văn hoá giáo dục, y tế, khoa học kỹ thuật của tỉnh Tuyên Quang.
- Là trung tâm sản xuất công nghiệp, thương mại và dịch vụ.
- Là đầu mối giao thông, đô thị dịch vụ trung chuyển quan trọng phụ trợ cho tuyến hành lang phát triển Hà Nội - Lào Cai.
- Là địa bàn quan trọng về quốc phòng, an ninh.
- Tận dụng giá trị cảnh quan và các động lực phát triển hai bên bờ sông Lô để phát triển thành phố trở thành “thành phố hai bên bờ sông”, xây dựng hình ảnh “thành phố thân thiện vì sức khỏe”

**2. Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội (Đạt 14,29/15 điểm)**

a) Cân đối thu chi ngân sách

Nhờ chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế đô thị theo hướng hiện đại, kinh tế thành phố tiếp tục phát triển, hàng năm tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt và vượt dự toán tính giao. Công tác thu ngân sách được tập trung thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp tăng cường quản lý nguồn thu, chống thất thu ngân sách được triển khai áp dụng, công tác kiểm tra, kê khai nộp thuế và hoàn thuế; quản lý điều hành chi ngân sách chặt chẽ.

Cân đối thu chi ngân sách năm 2019 trên địa bàn thành phố như sau:

- Tổng thu ngân sách đạt: 867,55 tỷ đồng.
- Tổng chi ngân sách là: 806,38 tỷ đồng.

Do đó, cân đối thu chi ngân sách là cân đối dư. Đánh giá đạt: 2,0/2,0 điểm (chi tiết tại biểu 05).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Cân đối thu chi ngân sách	Dư	2,0	Dư	2
	Đủ	1,5		

b) Thu nhập bình quân đầu người

Trên địa bàn thành phố năm 2019, thu nhập bình quân đầu người đạt 72,30 triệu đồng/người/năm, bằng 1,42 lần so với thu nhập bình quân đầu người cả nước

Đánh giá đạt 2,29/3,0 điểm (chi tiết tại biểu 04).



Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước	$\geq 1,75$	3,0	1,42	2,29
	1,4	2,25		

c) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Từ khi được công nhận là đô thị loại III (năm 2009), Đảng ủy, chính quyền các cấp và nhân dân thành phố tập trung phát triển kinh tế xã hội. Tranh thủ mọi nguồn lực, khai thác tiềm năng sẵn có của mình đến nay kinh tế thành phố Tuyên Quang này càng phát triển ổn định, đa số các ngành chủ yếu đều tăng so với cùng kỳ, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng thương mại, dịch vụ và công nghiệp, xây dựng, giảm tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp (riêng ngành nông nghiệp giảm do diện tích sản xuất nông nghiệp thu hẹp dần để chuyển sang đất ở đô thị, đất chuyên dùng) với chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ đã làm thay đổi diện mạo của thành phố Tuyên Quang. Thành phố Tuyên Quang trong những năm qua đã đạt được mục tiêu đề ra (Nghị quyết Đại hội Đảng, Quy hoạch ngành,...) là tăng thương mại, dịch vụ; công nghiệp, xây dựng; giảm tỷ trọng nông nghiệp.

Đánh giá đạt: 3,0/3,0 điểm.

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	Tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông, lâm, thủy sản theo mục tiêu đề ra	3,0	Tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông, lâm, thủy sản theo mục tiêu đề ra	3,0
	Tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng hoặc tăng tỷ trọng dịch vụ, giảm tỷ trọng nông, lâm, thủy sản theo mục tiêu đề ra	2,25		

d) Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất

Tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn thành phố trung bình 3 năm 2017 - 2019 là 12,51%.

Đánh giá đạt: 2,0/2,0 điểm (chi tiết tại biểu 04).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất (%)	$\geq 7$	2,0	12,51	2,0
	6,5	1,5		

đ) Tỷ lệ hộ nghèo

Tổng số hộ dân cư của thành phố Tuyên Quang năm 2019 là: 36.495 hộ;

Tổng số hộ nghèo của thành phố Tuyên Quang năm 2019 là: 368 hộ.

Tỷ lệ hộ nghèo của thành phố Tuyên Quang năm 2019 là: 1,01%.

Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm (*chi tiết tại biểu 06*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Tỷ lệ hộ nghèo (%)	$\leq 6,0$	2	1,01	2,0
	7,0	1,5		

e) Tỷ lệ tăng dân số hàng năm (*bao gồm tăng tự nhiên và tăng cơ học*)

Năm 2019, tỷ lệ tăng dân số đạt 2,46%, có xu hướng tăng dần qua các năm do sự hấp dẫn của du lịch và khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn (*Chi cục thống kê*). Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm (*chi tiết tại biểu 07*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Tỷ lệ tăng dân số hàng năm (%)	$\geq 1,8$	3,0	2,46	3,0
	1,4	2,25		

## **Tiêu chí 2: Quy mô dân số (Đạt 7,73/8,0 điểm)**

Theo tiêu chí 2 tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 áp dụng cho đô thị loại II: “Quy mô dân số toàn đô thị đạt từ 200.000 - 500.000 người trở lên; khu vực nội thành, nội thị đạt từ 100.000 - 200.000 người trở lên”.

### **1. Dân số toàn đô thị**

Dân số toàn đô thị năm 2019 là 335.012 người, bao gồm:

- Dân số thống kê thường trú là: 130.338 người;

- Dân số tạm trú quy đổi là: 204.674 người.

Đánh giá tiêu chuẩn quy mô dân số toàn đô thị thành phố Tuyên Quang đạt 1,73/2,0 điểm (*chi tiết tại biểu 02*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Dân số toàn đô thị (1.000 người)	≥ 500	2,0	335	1,73
	200	1,5		

## 2. Dân số khu vực nội thành

Dân số khu vực nội thành bao gồm cả dân số quy đổi tính đến hết năm 2019 là 250.009 người, bao gồm:

- Dân số thường trú là: 97.453 người.
- Dân số tạm trú quy đổi là: 152.556 người.

Đánh giá đạt 6,0/6,0 điểm (*chi tiết tại biểu 02*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Dân số khu vực nội thành (1.000 người)	≥ 200	6,0	250	6,0
	100	4,5		

### Tiêu chí 3: Mật độ dân số (Đạt 4,57/6,0 điểm)

Theo tiêu chí 3 tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 áp dụng cho đô thị loại II: “Mật độ dân số toàn đô thị đạt từ 1.800 người/km<sup>2</sup> trở lên; mật độ dân số khu vực nội thành, nội thị tính trên diện tích đất xây dựng đô thị (*đối với đô thị loại II*) đạt từ 8.000 người/km<sup>2</sup> trở lên”.

Mật độ dân số được tính theo công thức sau:  $D = N_1/S$

Trong đó:

D: Mật độ dân số (*người/km<sup>2</sup>*);

$N_1$ : Dân số (*người*);

S: Diện tích đất (*km<sup>2</sup>*).

Từ công thức trên, mật độ dân số toàn đô thị và mật độ dân số khu vực nội thành tính trên diện tích đất xây dựng đô thị được tính như sau:

#### 1. Mật độ dân số toàn đô thị

- Dân số toàn đô thị bao gồm cả dân số quy đổi là: 335.012 người;
- Diện tích đất tự nhiên toàn đô thị là: 18.438 ha = 184,38 km<sup>2</sup>.

Mật độ dân số là:  $D = \frac{335.012}{184,38} = 1.817$  người/km<sup>2</sup>.

Đánh giá đạt: 1,04/1,5 điểm (*chi tiết tại biểu 02*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Mật độ dân số toàn đô thị (người/km <sup>2</sup> )	≥ 2.000	1,5	1.817	1,04
	1.800	1,0		

## 2. Mật độ dân số khu vực nội thành tính trên diện tích đất xây dựng đô thị

- Dân số khu vực nội thành bao gồm dân số quy đổi là: 250.009 người;
- Diện tích đất xây dựng đô thị là 3.103,00 ha = 31,03 km<sup>2</sup>.

Mật độ dân số trên diện tích đất xây dựng là:  $D = \frac{250.009}{31,03} = 8.057$  người/km<sup>2</sup>.

Đánh giá đạt: 3,53/4,5 điểm (*chi tiết tại biểu 02*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Mật độ dân số khu vực nội thành (người/km <sup>2</sup> )	≥ 10.000	4,5	8.057	3,53
	8.000	3,5		

## Tiêu chí 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (Đạt 5,86/6,0 điểm)

Theo tiêu chí 4 tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 áp dụng cho đô thị loại II: “Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị đạt từ 65% trở lên; khu vực nội thành, nội thị đạt từ 80% trở lên”.

Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp được tính theo công thức:  $K = (E_0/E_t) \times 100$

Trong đó:

- K: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (%);
- E<sub>t</sub>: Số lao động làm việc ở các ngành kinh tế (người);
- E<sub>0</sub>: Số lao động phi nông nghiệp (người).

Từ công thức trên, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị và tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành năm 2019 được tính như sau:

### 1. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị

- Tổng số lao động đang làm việc ở các ngành kinh tế toàn đô thị là: 93.624 người.
- Số lao động phi nông nghiệp toàn đô thị là: 74.938 người.

Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị là: 80,04%.

Đánh giá đạt: 1,5/1,5 điểm (*chi tiết tại biểu 08*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị (%)	≥ 70	1,5	80,04	1,5
	65	1,0		

## 2. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành

- Tổng số lao động đang làm việc ở các ngành kinh tế khu vực nội thành là: 75.285 người;

- Số lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành là 63.471 người.

Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành là: 84,31%.

Đánh giá đạt: 4,36/4,5 điểm (*chi tiết tại biểu 08*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành(%)	≥ 85	4,5	84,31	4,36
	80	3,5		

**Tiêu chí 5: Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị (Đạt 53,42/60 điểm)**

**1. Nhóm tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực nội thành (Đạt 41,42/48 điểm)**

Khu vực nội thành bao gồm:

10 phường hiện hữu thuộc thành phố Tuyên Quang		
Phường Phan Thiết	Phường Tân Quang	Phường Minh Xuân
Phường Ý La	Phường Tân Hà	Phường Hưng Thành
Phường Nông Tiến	Phường Đội Cấn	Phường An Tường
Phường Mỹ Lâm		

Khu vực ngoại thành bao gồm:

05 xã hiện hữu thuộc thành phố Tuyên Quang		
Xã An Khang	Xã Lương Vượng	Xã Thái Long
Xã Tràng Đà	Xã Kim Phú	

a) Nhóm chỉ tiêu về hạ tầng xã hội (Đạt 8,32/10 điểm)

- Tiêu chuẩn về nhà ở (Đạt 1,86/2,0 điểm)

+ Diện tích sàn nhà ở bình quân đạt: 27,6 (m<sup>2</sup> sàn/người).

Đánh giá đạt 0,86/1,0 điểm (*chi tiết tại biểu 09*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Diện tích sàn nhà ở bình quân cho khu vực nội thành (m <sup>2</sup> sàn/người)	≥ 29	1,0	27,6	0,86
	26,5	0,75		

+ Tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố trên địa bàn đạt: 97,48%.

Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm (*chi tiết tại biểu 09*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố (%)	≥ 95	1,0	97,48	1,0
	90	0,75		

- Tiêu chuẩn về công trình công cộng (Đạt 6,46/8,0 điểm)

+ Đất dân dụng:

Trong khu vực nội thành, diện tích đất dân dụng hiện có: 708,91 ha = 7.089.100 m<sup>2</sup>.

Dân số khu vực nội thành (đã bao gồm dân số quy đổi) là: 250.009 người.

Do đó, bình quân đạt: 28,36 m<sup>2</sup>/người.

Đánh giá đạt 0/1,0 điểm (*chi tiết tại biểu 01*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Đất dân dụng (m <sup>2</sup> /người) (Nếu vượt quá mức tối đa thì đánh giá đạt 0,75 điểm)	≥ 61	1,0	28,36	0,0
	54	0,75		

+ Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị:

Theo số liệu thống kê, diện tích xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị là: 1.367.846 m<sup>2</sup> (bao gồm: diện tích đất các công trình trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp, dịch vụ thương mại, bến bãi đỗ xe, y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao).

Dân số khu vực nội thành đã bao gồm dân số quy đổi là: 250.009 người, bình quân đạt 5,47 m<sup>2</sup>/người.

Đánh giá đạt: 1,0/1,0 điểm (*chi tiết tại biểu 10*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị (m <sup>2</sup> /người)	≥ 5	1,0	5,47	1,0
	4	0,75		

+ Đất xây dựng các công trình công cộng cấp đơn vị ở:

Theo số liệu tính toán, diện tích xây dựng các công trình công cộng cấp đơn vị ở là: 617.917,2 m<sup>2</sup>.

Dân số khu vực nội thành đã bao gồm dân số quy đổi là: 250.009 người, bình quân đạt 2,47 m<sup>2</sup>/người.

Đánh giá đạt: 1,0/1,0 điểm (*chi tiết tại biểu 11*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở (m <sup>2</sup> /người)	≥ 2	1,0	2,47	1,0
	1,5	0,75		

+ Cơ sở y tế cấp đô thị (trung tâm y tế chuyên sâu, bệnh viện đa khoa – chuyên khoa các cấp):

Theo số liệu thống kê năm 2019, tổng số giường bệnh phục vụ khám chữa bệnh cho người dân là 1.645 giường.

Dân số khu vực nội thành đã bao gồm dân số quy đổi là: 250.009 người, bình quân 6,58 giường/1.000 dân.

Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm (*chi tiết tại biểu 12*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Cơ sở y tế cấp đô thị (giường/1.000 dân)	≥ 2,8	1,0	6,58	1,0
	2,4	0,75		

+ Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị (Đại học, Cao đẳng, Trung học, dạy nghề):

Hiện nay, tổng số cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn là 13 cơ sở. Các cơ sở đều phục vụ toàn đô thị, do đó được tính đạt tiêu chuẩn.

Đánh giá đạt 0,83/1,0 điểm (*chi tiết tại biểu 13*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị (Đại học, Cao đẳng, Trung học, dạy nghề) (cơ sở)	≥ 20	1,0	13	0,83
	10	0,75		

+ Công trình văn hóa cấp đô thị:

Trên địa bàn hiện có 6 công trình văn hóa cấp đô thị.

Đánh giá đạt 0,75/1,0 điểm (*chi tiết tại biểu 14*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Công trình văn hóa cấp đô thị (Nhà hát, rạp chiếu phim, bảo tàng, nhà văn hoá, công trình di tích lịch sử...) (công trình)	$\geq 10$	1,0	6	0,75
	6	0,75		

+ Công trình thể dục thể thao cấp đô thị:

Tổng số các công trình thể dục thể thao phục vụ cấp đô thị trên địa bàn là 6 công trình.

Đánh giá đạt 0,88/1,0 điểm (*chi tiết tại biểu 15*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Công trình thể dục thể thao cấp đô thị (sân vận động, nhà thi đấu, câu lạc bộ) (công trình)	$\geq 7$	1,0	6	0,88
	5	0,75		

+ Công trình thương mại dịch vụ cấp đô thị (trung tâm thương mại, chợ, siêu thị, cửa hàng bách hóa):

Tổng số công trình thương mại - dịch vụ cấp đô thị trên địa bàn là 11 công trình như: Trung tâm thương mại Tuyên Quang, siêu thị điện máy Hưng Hoa, siêu thị sách và thiết bị trường học Tuyên Quang, siêu thị điện máy Vũ Công, siêu thị Điện máy xanh, siêu thị Thế giới di động,... phục vụ các hoạt động mua bán, dịch vụ của dân cư trong khu vực.

Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm (*chi tiết tại biểu 16*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Công trình thương mại dịch vụ cấp đô thị (trung tâm thương mại, chợ, siêu thị, cửa hàng bách hóa) (công trình)	$\geq 10$	1,0	11	1,0
	7	0,75		

b) Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật (Đạt 11,45/14,0 điểm)

- Các tiêu chuẩn về giao thông (đạt 4,21/6 điểm)

+ Đầu mối giao thông: Thành phố Tuyên Quang có hệ thống giao thông cấp Quốc gia chạy qua (bao gồm: Quốc lộ 2, Quốc lộ 37, Quốc lộ 2C, Tỉnh lộ 186, và các



tuyến xe buýt nội ngoại tỉnh). Các tuyến giao thông đối ngoại chạy qua thành phố đóng vai trò quan trọng giúp kết nối thành phố với các vùng miền núi phía Bắc.

Đánh giá đạt 1,5/2,0 điểm.

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Đầu mối giao thông (cảng biển, cảng hàng không, cảng đường thủy nội địa, ga đường sắt, bến xe ô tô) (cấp)	Quốc gia	2,0	Vùng liên tỉnh	1,5
	Vùng liên tỉnh	1,5		

+ Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng:

Tổng diện tích đất giao thông khu vực nội thành là: 6,013 km<sup>2</sup>.

Tổng diện tích đất xây dựng khu vực nội thành: 31,03 km<sup>2</sup>.

Do đó, tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thành so với đất xây dựng khu vực nội thành là: 19,38%.

Đánh giá đạt 0,91/1,0 điểm (chi tiết tại biểu 18).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng (%)	≥ 22	1,0	19,38	0,91
	15	0,75		

+ Mật độ đường giao thông (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy ≥ 7,5m).

Tổng chiều dài các tuyến đường chính trong khu vực nội thành có chiều rộng phần xe chạy ≥ 7,5m là: 159,79 km.

Tổng diện tích đất xây dựng khu vực nội thành: 31,03 km<sup>2</sup>.

Do đó, mật độ đường trong khu vực nội thành là: 5,15 km/km<sup>2</sup>.

Đánh giá đạt 0/1,0 điểm (chi tiết tại biểu 18).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Mật độ đường trong khu vực nội thành (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy ≥ 7,5 m) (km/km <sup>2</sup> )	≥ 10	1,0	5,15	0
	7	0,75		

+ Diện tích đất giao thông tính trên dân số khu vực nội thành:

Tổng diện tích đất giao thông khu vực nội thành là: 6.013.358,5 m<sup>2</sup>.

Dân số trong khu vực nội thành đã bao gồm dân số quy đổi là: 250.009 người; diện tích đất giao thông trên dân số khu vực nội thành: 24,05 m<sup>2</sup>/người.

Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm (*chi tiết tại biểu 18*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Diện tích đất giao thông tính trên dân số khu vực nội thành (m <sup>2</sup> /người)	≥ 13	1,0	24,05	1,0
	11	0,75		

+ Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng:

Được tính bằng % giữa hành khách lưu thông hàng ngày bằng phương tiện xe buýt công cộng chia cho dân số. Năm 2019, lượt hành khách được vận chuyển qua các phương tiện vận tải công cộng đạt 8.696.000 lượt khách. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng năm 2019 trên địa bàn đạt: 11%

Đánh giá đạt 0,8/1,0 điểm (*chi tiết tại biểu 17*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng (%)	≥ 15	1,0	11	0,8
	10	0,75		

- Các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng (đạt 2,52/3,0 điểm)

+ Cấp điện sinh hoạt:

Tổng điện năng tiêu thụ khu vực nội thành năm 2019 là: 194.507.002 (kwh/năm).

Dân số trong khu vực nội thành (đã bao gồm dân số quy đổi) là: 250.009 người.

Do đó, tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt khu vực nội thành là: 778 kwh/người/năm.

Đánh giá đạt 0,88/1,0 điểm (*chi tiết tại biểu 19*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Cấp điện sinh hoạt (kwh/ng/năm)	≥ 850	1,0	778	0,88
	700	0,75		

+ Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng:

Tổng số chiều dài tuyến phố chính trên địa bàn là: 60.390 m.

Tổng số chiều dài tuyến phố chính được chiếu sáng là: 58.070 m.

Tỷ lệ các tuyến đường phố chính được chiếu sáng là: 96,2%.

Đánh giá đạt: 0,81/1,0 điểm (*chi tiết tại biểu 20*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng (%)	≥ 100	1,0	96,2	0,81
	95	0,75		

+ Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng:

Tổng chiều dài các tuyến ngõ, hẻm trên địa bàn là: 72.446 m.

Tổng chiều dài các tuyến ngõ, hẻm được chiếu sáng là: 45.876 m, tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng là 63,3%.

Đánh giá đạt 0,83/1,0 điểm (*chi tiết tại biểu 20*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng (%)	≥80	1,0	63,3	0,83
	55	0,75		

- Các tiêu chuẩn về cấp nước (đạt 2,72/3 điểm)

+ Cấp nước sinh hoạt:

Tổng lượng nước cấp được thu phí sử dụng năm 2019 khu vực nội thành là 32.500 (m<sup>3</sup>/ngày đêm) = 32.500.000 (lít/ngày đêm).

Dân số khu vực nội thành đã bao gồm dân số quy đổi là: 250.009 người, tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt khu vực nội thành: 130 lít/người/ngày đêm.

Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm (*chi tiết tại biểu 22*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Cấp nước sinh hoạt khu vực nội thành (lít/người/ngàyđêm)	≥ 125	1,0	130	1,0
	110	0,75		

+ Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh:

Tổng số hộ dân khu vực nội thành năm 2019 là 27.518 hộ.

Tổng số hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh khu vực nội thành năm 2019 là: 26.753 hộ.

Do đó tỷ lệ dân số khu vực nội thành được cấp nước sạch, hợp vệ sinh: 97,22%.

Đánh giá đạt 1,72/2,0 điểm (*chi tiết tại biểu 22*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch (%)	100	2,0	97,22	1,72
	95	1,5		

- Các tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông (đạt 2,0/2,0 điểm)

+ Số thuê bao internet (băng rộng cố định và băng rộng di động)

Tổng số thuê bao internet (bao gồm băng rộng cố định và băng rộng di động) đạt: 110.469 thuê bao.

Dân số khu vực nội thành đã bao gồm dân số quy đổi là: 250.009 người, số thuê bao internet/100 dân là: 44,19 thuê bao/100 dân.

Đánh giá đạt 1/1,0 điểm (chi tiết tại biểu 23).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Số thuê bao internet (băng rộng cố định và băng rộng di động) (số thuê bao internet/100 dân)	$\geq 25$	1,0	44,19	1,0
	20	0,75		

+ Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số:

Hiện nay, mạng lưới thông tin di động đã được phủ khắp trên địa bàn với các nhà mạng: Viettel, Vinaphone, Mobiphone. Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số đạt: 100%.

Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm (chi tiết tại biểu 23).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số (%)	$\geq 100$	1,0	100	1,0
	95	0,75		

c) Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường (đạt 12,66/14,0 điểm)

- Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng (đạt 2,92/3,0 điểm)

+ Mật độ đường công thoát nước chính:

Hệ thống công thoát nước của thành phố được xây dựng và cải tạo đảm bảo thoát nước nhanh và chống ngập úng đô thị. Ở các khu đô thị mới, hệ thống thoát nước được xây dựng hoàn chỉnh. Tại các khu đô thị hệ thống thoát nước được cải tạo nâng cấp, xây mới.

Hệ thống đường cống thoát nước chính khu vực nội thành chủ yếu được sử dụng là các loại cống hỗn hợp và các cống hộp BTXM, với tổng chiều dài 137,16 km.

Diện tích đất xây dựng đô thị là: 31,03 km<sup>2</sup>, mật độ đường cống thoát nước chính là 4,42 km/km<sup>2</sup>.

Đánh giá đạt 1,92/2,0 điểm (*chi tiết tại biểu 24*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Mật độ đường cống thoát nước chính (km/km <sup>2</sup> )	≥ 4,5	2,0	4,42	1,92
	4	1,5		

+ Tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống ngập úng: 100%.

Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm (*chi tiết tại biểu 25*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống ngập úng (%)	≥ 50	1,0	100	1,0
	20	0,75		

- Các tiêu chuẩn thu gom xử lý nước thải, chất thải (đạt 4,0/5,0 điểm)

+ Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy:

Trên địa bàn 100% chất thải nguy hại từ các bệnh viện, khu công nghiệp được thu gom, xử lý kịp thời đạt tiêu chuẩn quy định.

Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm (*chi tiết tại biểu 26*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy (%)	≥ 85	1,0	100	1,0
	70	0,75		

+ Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật:

Tổng lượng nước thải đô thị phát sinh là: 10.037.861 m<sup>3</sup>.

Tổng lượng nước thải đô thị được thu gom, xử lý là: 0 m<sup>3</sup>.

Do đó, tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật đạt: 0%.

Đánh giá đạt 0/1,0 điểm (*chi tiết tại biểu 27*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật (%)	≥ 40	1,0	0	0
	30	0,75		

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom:

Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khu vực nội thành là: 35.690 tấn/năm.

Tổng khối lượng chất thải rắn khu vực nội thành được thu gom là: 34.566 tấn/năm. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom: 96,85%.

Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm (*chi tiết tại biểu 26*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom (%)	$\geq 90$	1,0	96,85	1,0
	80	0,75		

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải:

Tổng khối lượng thu gom rác thải trên địa bàn thành phố là: 34.566 tấn.

Tổng khối lượng rác thải được xử lý tại bãi chôn lấp là: 34.566 tấn. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom là: 100%.

Khối lượng rác thải sau khi thu gom đều được xử lý tại khu xử rác thải.

Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm (*chi tiết tại biểu 26*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải (%)	$\geq 80$	1,0	100	1,0
	70	0,75		

+ Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy:

**Hiện nay tại tất cả các cơ sở y tế đều được thu gom rác thải y tế; rác thải được tập kết, vận chuyển và được xử lý đúng quy trình. Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy: 100%.**

Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm (*chi tiết tại biểu 26*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy (%)	$\geq 100$	1,0	100	1,0
	90	0,75		

- Các tiêu chuẩn về nhà tang lễ (Đạt 1,75/2,0 điểm)

+ Nhà tang lễ:

Hiện tại, trên địa bàn thành phố có 1 nhà tang lễ: nhà tang lễ bệnh viện đa khoa tỉnh.

Đánh giá đạt 0,75/1,0 điểm (*chi tiết tại biểu 28*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Nhà tang lễ (cơ sở)	$\geq 2$	1,0	1	0,75
	1	0,75		

+ Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng theo thống kê của thành phố là: 63,01%.

Hiện nay, người dân thành phố sử dụng hình thức hỏa táng tại Phú Thọ và đưa về an táng tại nghĩa trang thành phố, xã, phường.

Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm (*chi tiết tại biểu 28*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng (%)	$\geq 20$	1,0	63,01	1,0
	15	0,75		

- Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị (*Đạt 3,99/4,0 điểm*)

+ Đất cây xanh toàn đô thị:

Tổng diện tích đất cây xanh toàn đô thị là: 3.566.110,3 m<sup>2</sup> (*bao gồm cây xanh khu dân cư, quảng trường, công viên, vườn hoa, vườn dạo, cây xanh đường phố, cây xanh chuyên dụng*).

Dân số toàn đô thị đã bao gồm dân số quy đổi là: 335.012 người.

Do đó, diện tích đất cây xanh toàn đô thị trên dân số là: 10,64 m<sup>2</sup>/người.

Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm (*chi tiết tại biểu 29*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Đất cây xanh toàn đô thị (m <sup>2</sup> /người)	$\geq 10$	2,0	10,64	2,0
	7	1,5		

+ Đất cây xanh công cộng khu vực nội thành:

Tổng diện tích đất cây xanh công cộng khu vực nội thành là: 1.492.625,9 m<sup>2</sup>.

Dân số khu vực nội thành đã bao gồm dân số quy đổi là: 250.009 người. Tiêu chuẩn đất cây xanh công cộng khu vực nội thành là: 5,97 m<sup>2</sup>/người.

Đánh giá đạt 1,99/2,0 điểm (*chi tiết tại biểu 29*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Đất cây xanh công cộng khu vực nội thành (m <sup>2</sup> /người)	≥ 6	2,0	5,97	1,99
	5	1,5		

- Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc cảnh quan đô thị (Đạt 9,0/10 điểm)

+ Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc toàn đô thị: Qua đánh giá thực hiện quy chế đô thị theo quy hoạch đã đảm bảo được các tiêu chuẩn và quy định của quy hoạch đề ra.

Đánh giá đạt 1,5/2,0 điểm.

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị (quy chế)	Đã có quy chế được ban hành tối thiểu 2 năm, thực hiện tốt quy chế)	2,0	Đã có quy chế	1,5
	Đã có quy chế	1,5		

+ Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị tính trên tổng số trục phố chính:

Tổng số trục phố chính đô thị là: 11 tuyến.

Tổng số tuyến phố chính văn minh đô thị là: 6 tuyến.

Do đó tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị/ tổng số trục phố chính là: 54,55%.

Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm (*chi tiết tại biểu 30*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị tính trên tổng số trục phố chính (%)	≥ 50	2,0	54,55	2,0
	40	1,5		

+ Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị:

Trên cơ sở Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Tuyên Quang, thành phố đã tiến hành cải tạo, chỉnh trang đô thị hàng năm nhằm tăng chất lượng mỹ quan đô thị và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Trên địa bàn thành phố có tổng 2 dự án cải tạo chỉnh trang đô thị.

Đánh giá đạt 1,5/2,0 điểm (*chi tiết tại biểu 31*).



Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị (dự án)	$\geq 4$	2,0	2	1,5
	2	1,5		

+ Số lượng không gian công cộng của đô thị:

Trên địa bàn thành phố có 6 khu không gian công cộng.

Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm (*chi tiết tại biểu 32*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Số lượng không gian công cộng của đô thị (khu)	$\geq 6$	2,0	6	2,0
	4	1,5		

+ Công trình kiến trúc tiêu biểu:

Trên địa bàn thành phố có 44 công trình di tích, lịch sử văn hóa; trong đó có 5 công trình được công nhận cấp Quốc gia gồm các công trình: Đền Hạ, thành cổ Tuyên Quang, thành nhà Bàu, đền Thượng, đền Mẫu Ý La.

Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm (*chi tiết tại biểu 33*).

Tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng	
	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Đạt	Điểm
Công trình kiến trúc tiêu biểu (cấp)	Có công trình cấp Quốc gia	2,0	Có công trình cấp Quốc gia	2,0
	Có công trình cấp tỉnh	1,5		

## **2. Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thành (Đạt 12/12 điểm)**

Thành phố Tuyên Quang có 5/5 xã ngoại thành đã đạt chuẩn Nông thôn mới theo các Quyết định số:

- Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 12/01/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc Công nhận xã An Khang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2014.

- Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 19/01/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc Công nhận xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2015.

- Quyết định số 1697/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc Công nhận xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2016.

- Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc Công nhận xã Kim Phú, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2017.

- Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc Công nhận xã Thái Long, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2018.

Do đó các xã này đều đạt 100% tiêu chí chung của Bộ Tiêu chí Quốc gia về Nông thôn mới.

\* Tổng cộng nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực ngoại thị đạt 12/12 điểm

### **Tổng hợp đánh giá các tiêu chí phân loại đô thị**

Qua việc rà soát, phân tích, đánh giá, tổng hợp hiện trạng khu vực nghiên cứu lập đề án và đối chiếu với 5 tiêu chí và 59 tiêu chuẩn đô thị loại II được quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị; hiện trạng về hạ tầng đô thị của thành phố Tuyên Quang được chia làm 03 nhóm tiêu chuẩn chính như sau:

- Nhóm tiêu chuẩn đã đạt và vượt mức tối đa của tiêu chuẩn quy định: Có tổng số 34 tiêu chuẩn, bao gồm các tiêu chuẩn sau:

1. Cân đối thu chi ngân sách	17. Tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng
2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	18. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom
3. Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất	19. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải
4. Tỷ lệ hộ nghèo	20. Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy
5. Tỷ lệ gia tăng dân số hàng năm	21. Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy
6. Dân số khu vực nội thành	22. Đất cây xanh toàn đô thị
7. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị	23. Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị tính trên tổng số trục phố chính
8. Tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố	24. Số lượng không gian công cộng của đô thị
9. Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng	25. Công trình kiến trúc tiêu biểu
10. Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở	26. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng
11. Cơ sở y tế cấp đô thị	
12. Công trình thương mại dịch vụ cấp đô thị	
13. Diện tích đất giao thông tính trên dân số	

14. Cấp nước sinh hoạt 15. Số thuê bao internet 16. Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số	27-34. Nhóm 8 tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực ngoại thành
--	--

- Nhóm tiêu chuẩn đạt tối thiểu và trên mức tối thiểu nhưng chưa đạt điểm tối đa: Có tổng số 22 tiêu chuẩn, bao gồm các tiêu chuẩn sau:

1. Vị trí, chức năng, vai trò 2. Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước 3. Dân số toàn đô thị 4. Mật độ dân số toàn đô thị 5. Mật độ dân số khu vực nội thành tính trên diện tích đất xây dựng đô thị 6. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành 7. Diện tích sàn nhà ở bình quân 8. Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị 9. Công trình văn hóa cấp đô thị 10. Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị 11. Đầu mối giao thông 12. Tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thành 13. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	14. Cấp điện sinh hoạt 15. Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng 16. Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng 17. Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh 18. Mật độ đường cống thoát nước chính 19. Nhà tang lễ 20. Đất cây xanh công cộng khu vực nội thành 21. Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị 22. Quy chế quản lý kiến trúc đô thị
--	--

- Nhóm tiêu chuẩn chưa đạt điểm: Có tổng số 3 tiêu chuẩn chưa đạt điểm, bao gồm các tiêu chuẩn sau:

1. Đất dân dụng 2. Mật độ đường giao thông (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy $\geq 7,5\text{m}$ )	3. Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật
---	---

**Bảng tổng hợp điểm thành phố Tuyên Quang mở rộng, tỉnh Tuyên Quang đạt tiêu chí đô thị loại II  
theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13**

STT	CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	ĐƠN VỊ	MỨC QUY ĐỊNH		HIỆN TRẠNG	ĐIỂM	GHI CHÚ
			TIÊU CHUẨN	THANG ĐIỂM	TIÊU CHUẨN ĐẠT		
				TỐI ĐA - TỐI THIỂU			
	<b>TỔNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ</b>					<b>89,63</b>	
<b>TC 1</b>	<b>Vị trí, Chức năng, Vai trò, Cơ cấu và Trình độ phát triển kinh tế - xã hội</b>			<b>15 - 20</b>		<b>18,04</b>	
<b>I</b>	<b>Tiêu chuẩn vị trí, chức năng, vai trò</b>			<b>3,75 - 5,0</b>		<b>3,75</b>	
1	Vị trí, chức năng, vai trò của đô thị		Là trung tâm tổng hợp cấp vùng về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, trung tâm hành chính cấp tỉnh, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một vùng liên tỉnh.	5,0	Là trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc trung tâm tổng hợp cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và	3,75	

			Là trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc trung tâm tổng hợp cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội của một tỉnh, vùng liên tỉnh.	3,75	công nghệ, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội của một tỉnh, vùng liên tỉnh.		
<b>II</b>	<b>Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội</b>			<b>11,25 - 15</b>		<b>14,29</b>	
1	Thu chi ngân sách		Dư	2,0	Dư	2,00	Chi tiết tại biểu 05
			Đủ	1,5			
2	Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước	Lần	$\geq 1,75$	3,0	1,42	2,29	Chi tiết tại biểu 04
			1,40	2,25			
3	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế		Tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra.	3,0	Tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra.	3,00	Chi tiết tại biểu 04
			Chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng hoặc dịch vụ,	2,25			

			giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra.				
4	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất	%	$\geq 7$	2,0	12,51	2,00	Chi tiết tại biểu 04
			6,5	1,5			
5	Tỷ lệ hộ nghèo	%	$\leq 6,$	2,0	1,01	2,00	Chi tiết tại biểu 06
			7	1,5			
6	Tỷ lệ tăng dân số hàng năm (bao gồm tăng tự nhiên và cơ học)	%	$\geq 2$	3,0	2,46	3,00	Chi tiết tại biểu 07
			1,4	2,25			
<b>TC 2</b>	<b>Quy mô dân số</b>			<b>6,0 - 8,0</b>		<b>7,73</b>	
1	Dân số toàn đô thị	1000 người	$\geq 500$	2,0	335	1,73	Chi tiết tại biểu 02
			200	1,5			
2	Dân số khu vực nội thành	1000 người	$\geq 200$	6,0	250	6,00	Chi tiết tại biểu 02
			100	4,5			
<b>TC 3</b>	<b>Mật độ dân số</b>			<b>4,5-6,0</b>		<b>4,57</b>	
1	Mật độ dân số toàn đô thị	người/ km <sup>2</sup>	$\geq 2.000$	1,5	1.817	1,04	Chi tiết tại biểu 02
			1800	1,0			
2	Mật độ dân số khu vực nội thành tính trên diện tích đất xây dựng đô thị	người/ km <sup>2</sup>	$\geq 10.000$	4,5	8.057	3,53	Chi tiết tại biểu 02
			8.000	3,5			
<b>TC 4</b>	<b>Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp</b>			<b>4,5-6,0</b>		<b>5,86</b>	
1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	$\geq 70$	1,5	80,04	1,50	Chi tiết tại

	toàn đô thị		65	1,0			biểu 08
2	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị	%	≥ 85	4,5	84,31	4,36	Chi tiết tại biểu 08
			80	3,5			
<b>TC5</b>	<b>Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị</b>			<b>45-60</b>		<b>53,42</b>	
<b>Bảng 5.A - Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực nội thành, nội thị</b>				<b>36-48</b>		<b>41,42</b>	
<b>I: Nhóm các tiêu chuẩn về hệ thống công trình hạ tầng xã hội</b>				<b>7,5-10</b>		<b>8,32</b>	
<b>I.1</b>	<b>Các tiêu chuẩn về nhà ở</b>			<b>1,5-2,0</b>		<b>1,86</b>	
1	Diện tích sàn nhà ở bình quân	m <sup>2</sup> sàn/người	≥ 29	1,0	27,6	0,86	Chi tiết tại biểu 09
			26,5	0,75			
2	Tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố	%	≥ 95	1,0	97,48	1,00	Chi tiết tại biểu 09
			90	0,75			
<b>I.2</b>	<b>Các tiêu chuẩn về công trình công cộng</b>			<b>6,0-8,0</b>		<b>6,46</b>	
1	Đất dân dụng (Nếu vượt mức tối đa thì đánh giá đạt 0,75 điểm)	m <sup>2</sup> /người	61	1,0	28,36	0,00	Chi tiết tại biểu 01
			54	0,75			
2	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị	m <sup>2</sup> /người	≥ 5	1,0	5,47	1,00	Chi tiết tại biểu 10
			4	0,75			
3	Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở	m <sup>2</sup> /người	≥ 2	1,0	2,47	1,00	Chi tiết tại biểu 11
			1,5	0,75			
4	Cơ sở y tế cấp đô thị	giường/ 1.000 dân	≥ 2,8	1,0	6,58	1,00	Chi tiết tại biểu 12
			2,4	0,75			
5	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị	cơ sở	≥ 20	1,0	13	0,83	Chi tiết tại biểu 13
			10	0,75			
6	Công trình văn hóa cấp đô thị	công trình	≥ 10	1,0	6	0,75	Chi tiết tại

			6	0,75			biểu 14
7	Công trình thể dục thể thao cấp đô thị	công trình	$\geq 7$	1,0	6	0,88	Chi tiết tại biểu 15
			5	0,75			
8	Công trình thương mại- dịch vụ	công trình	$\geq 10$	1,0	11	1,00	Chi tiết tại biểu 16
			7	0,75			
<b>II: Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật</b>				<b>10,5-14,0</b>		<b>11,45</b>	
II.1	Các tiêu chuẩn về giao thông			4,5-6,0		4,21	
1	Đầu mối giao thông (cảng hàng không- sân bay, ga đường sắt, cảng, đường thủy, bến xe khách)	cấp	Quốc gia	2,0	Vùng liên tỉnh	1,50	
			Vùng liên tỉnh	1,5			
2	Tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thành so với đất xây dựng trong khu vực nội thành	%	$\geq 22$	1,0	19,38	0,91	Chi tiết tại biểu 18
			15	0,75			
3	Mật độ đường trong khu vực nội thành (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy $\geq 7,5\text{m}$ )	$\text{km}/\text{km}^2$	$\geq 10$	1,0	5,15	0,00	Chi tiết tại biểu 18
			7	0,75			
4	Diện tích đất giao thông tính trên dân số khu vực nội thành, nội thị	$\text{m}^2/\text{người}$	$\geq 13$	1,0	24,05	1,00	Chi tiết tại biểu 18
			11	0,75			
5	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	%	$\geq 15$	1,0	11	0,80	Chi tiết tại biểu 17
			10	0,75			



II.2	Các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng			2,25-3,0		2,52	
1	Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt	kwh/người/ năm	$\geq 850$	1,0	778	0,88	Chi tiết tại biểu 19
			700	0,75			
2	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	100	1,0	96,2	0,81	Chi tiết tại biểu 20
			95	0,75			
3	Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng	%	$\geq 80$	1,0	63,3	0,83	Chi tiết tại biểu 20
			55	0,75			
II.3	Các tiêu chuẩn về cấp nước			2,25-3,0		2,72	
1	Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt	lít/người/ ngđ	$\geq 125$	1,0	130	1,00	Chi tiết tại biểu 22
			110	0,75			
2	Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	100	2,0	97,22	1,72	Chi tiết tại biểu 22
			95	1,50			
II.4	Các tiêu chuẩn hệ thống bưu chính viễn thông			1,5-2,0		2,00	
1	Số thuê bao internet( băng rộng cố định và băng rộng di động)	Số tb internet/ 100 dân	$\geq 25$	1,0	44,19	1,00	Chi tiết tại biểu 23
			20	0,75			
2	Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động/dân số	%	100	1,0	100	1,00	Chi tiết tại biểu 23
			95	0,75			
<b>III. Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường đô thị</b>				<b>10,5-14,0</b>		<b>12,66</b>	
III.1	Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng			2,25-3,0		2,92	
1	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km <sup>2</sup>	$\geq 4,5$	2,0	4,42	1,92	Chi tiết tại biểu 24
			4	1,5			
2	Tỷ lệ các khu vực đô thị có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng đô thị	%	$\geq 50$	1,0	100	1,00	Chi tiết tại biểu 25
			20	0,75			

III.2	Các tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải			3,75-5,0		4,00	
1	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy	%	$\geq 85$	1,0	100	1,00	Chi tiết tại biểu 26
			70	0,75			
2	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	$\geq 40$	1,0	0,00	0,00	Chi tiết tại biểu 27
			30	0,75			
3	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	90	1,0	96,85	1,00	Chi tiết tại biểu 26
			80	0,75			
4	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải	%	$\geq 80$	1,0	100	1,00	Chi tiết tại biểu 26
			70	0,75			
5	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy	%	100	1,0	100	1,00	Chi tiết tại biểu 26
			90	0,75			
III.3	Các tiêu chuẩn về Nhà tang lễ			1,5-2,0		1,75	
1	Nhà tang lễ	cơ sở	$\geq 2$	1,0	1	0,75	Chi tiết tại biểu 28
			1	0,75			
2	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	%	$\geq 20$	1,0	63,01	1,00	Chi tiết tại biểu 28
			15	0,75			
III.4	Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị			3,0-4,0		3,99	
1	Đất cây xanh toàn đô thị	m <sup>2</sup> /người	$\geq 10$	2,0	10,64	2,00	Chi tiết tại

			7	1,5			biểu 29
2	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thành	m <sup>2</sup> /người	≥ 6	2,0	5,97	1,99	Chi tiết tại biểu 29
			5	1,5			
<b>IV. Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị</b>				<b>7,5-10,0</b>		<b>9,00</b>	
1	Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị	Quy chế	Đã có quy chế ban hành được tối thiểu 2 năm, thực hiện tốt quy chế	2,0	Đã có quy chế	1,50	
			Đã có quy chế	1,5			
2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị/ tổng số trục phố chính	%	≥ 50	2,0	54,55	2,00	Chi tiết tại biểu 30
			40	1,5			
3	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị	Dự án	≥ 4	2,0	2	1,50	Chi tiết tại biểu 31
			2	1,5			
4	Số lượng không gian công cộng của đô thị	Khu	≥ 6	2,0	6	2,00	Chi tiết tại biểu 32
			4	1,5			
5	Công trình kiến trúc tiêu biểu	Cấp	Có công trình cấp quốc gia	2,0	Có công trình cấp quốc gia	2,00	Chi tiết tại biểu 33
			Có công trình cấp tỉnh	1,5			
<b>Bảng 5.B - Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực ngoại thành, ngoại thị</b>				<b>9,0-12,0</b>		<b>12,00</b>	

## V. TÓM TẮT CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG

### 1. Tóm tắt Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung mở rộng thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (*Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 6/12/2018 của UBND tỉnh Tuyên Quang*)

#### a) Định hướng phát triển không gian đô thị

##### Ý tưởng phát triển

- Tận dụng giá trị cảnh quan và các động lực phát triển hai bên bờ sông Lô để phát triển thành phố “thành phố hai bên bờ sông”, xây dựng hình ảnh “Thành phố thân thiện vì sức khỏe”.

- Thành phố Tuyên Quang trở thành đô thị loại II vào năm 2020, hướng tới đô thị loại I trong tương lai.

##### Hướng phát triển đô thị

- Mở rộng các khu phát triển đô thị.

- Hướng phát triển chính: Phát triển mở rộng đô thị về phía Nam và phía Tây.

Điều chỉnh cơ cấu tổ chức không gian: Toàn đô thị sẽ được cấu trúc bởi 6 cụm đô thị bao gồm:

##### *Cụm đô thị thành phố lịch sử hiện hữu:*

- Định hướng phát triển chính:

+ Tính chất: là khu trung tâm cũ, dân cư đông đúc và tập trung dọc các trục phố chính, là khu vực nội đô gắn liền với lịch sử phát triển của thành phố, đóng vai trò là trung tâm văn hóa, thương mại dịch vụ, du lịch của thành phố.

- Định hướng cải tạo:

+ Cải tạo các không gian ven sông để hướng thành phố ra dòng sông.

+ Cải tạo chỉnh trang khu dân cư trên địa bàn phường Minh Xuân, xây dựng khu đô thị xanh bên dòng sông Lô, tạo bản sắc riêng.

+ Xây dựng khu đô thị mới, mở rộng nội đô thành phố

+ Cải tạo chỉnh trang đô thị để đáp ứng tiêu chí kiến trúc cảnh quan của đô thị loại 2.

+ Kết nối quảng trường Nguyễn Tất Thành với dòng sông Lô.

+ Di dời các Sở, ngành, tạo điều kiện phát triển các khu thương mại dịch vụ trong nội đô

##### *Cụm trung tâm cửa ngõ thành phố:*

- Định hướng điều chỉnh: Bố trí cơ quan hành chính tỉnh theo hướng tập trung. Dành quỹ đất, thúc đẩy phát triển thương mại dịch vụ trong trung tâm thành phố. Chuyển đổi chức năng trục Bình Thuận là trục đường đối nội gắn kết khu cửa ngõ phía Tây. Xây dựng trục phát triển tổng hợp : hành chính, thương mại, văn hóa - thể thao,... Với vai trò là trục chính đô thị kết nối quảng trường Nguyễn Tất Thành giai đoạn 2030.

*Cụm đô thị An Tường:*

- Vai trò và tính chất: Là cụm động lực phát triển phía Nam của thành phố gắn liền với trục giao thông đối ngoại Đông Tây. Là trung tâm hành chính, công cộng của thành phố.

- Định hướng phát triển: Phát triển bám theo trục đường chính trung tâm của thành phố kết nối giữa Quốc lộ 37 đi sang phía Tây. Xây dựng công trình công cộng cấp thành phố và cơ quan hành chính thành phố tại khu vực này. Xây dựng bệnh viện, trường học,... Tại khu vực này để giảm thiểu sức ép hạ tầng trong khu nội đô. Xây dựng hình ảnh khu đô thị mới hiện đại, phát triển thương mại dịch vụ, công nghiệp, giao thương dựa trên sự thuận lợi về giao thông đối ngoại: Thái Nguyên - Cao Bằng - Tuyên Quang - Yên Bái. Hướng thành phố phát triển dần về phía Nam gắn kết với Cụm đô thị Long Bình An, đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ.

*Cụm đô thị nghỉ dưỡng sinh thái, du lịch tâm linh:*

Bao gồm:

- Khu bãi soi Tình Húc:

+ Định hướng điều chỉnh: Việc hình thành thủy điện mới ở Phú Thọ sẽ làm cho nước sông Lô đoạn qua thành phố luôn ổn định và đạt mức nước cao để có thể khai thác các hoạt động du lịch trên sông. Vì vậy, đảo Tình Húc sẽ được điều chỉnh chức năng:

(-) Là trung tâm, điểm nhấn của đô thị tạo bản sắc riêng cho thành phố Tuyên Quang.

(-) Xây dựng một khu đô thị dịch vụ trên bãi soi Tình Húc

(-) Khai thác cảnh quan hai bên sông kết hợp tuyến đường dạo bộ ven sông hình thành khu nhà ở sinh thái hai bên bờ sông làm đa dạng hóa các loại hình nhà ở gắn kết với địa hình tự nhiên của Tuyên Quang.

(-) Xây dựng cầu kiên cố hiện đại theo dự án đường tránh cầu Nông Tiến hiện có với tải trọng lớn kết nối 2 bên bờ sông Lô đường giao thông đối ngoại từ Đông sang Tây, thay thế cho cầu Nông Tiến đã xuống cấp.

(-) Để tiếp tục khai thác dịch vụ trên đảo Tình Húc cần xây dựng bến thuyền du lịch kết nối với bãi soi bằng đường thủy do không có lối tiếp cận bãi soi từ trên cầu.

- Khu đô thị dịch vụ Nông Tiến

+ Là cụm đô thị dịch vụ đóng vai trò cung cấp các dịch vụ thương mại, du lịch.

+ Tiếp tục phát triển cụm công nghiệp nhỏ dành cho các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống.

*Cụm nông nghiệp công nghệ cao và khu du lịch nghỉ dưỡng*

- Hình thành khu đô thị mới với đầy đủ chức năng của đô thị mới, văn minh hiện đại, kết nối trực tiếp khu suối khoáng Mỹ Lâm với trung tâm thành phố thông qua tuyến đường tránh QL 37 phía Bắc; khuyến khích các dạng nhà ở mật độ thấp, nhà vườn, các loại hình đô thị sinh thái.

- Xây dựng chiến lược marketing nhằm nâng cao giá trị khu du lịch dịch vụ suối khoáng Mỹ Lâm.

- Tìm kiếm các nhà đầu tư có tiềm năng.

- Tạo chính sách ưu đãi cho phát triển khu du lịch.

*Cụm các khu công nghiệp - dịch vụ - đô thị Long Bình An*

- Định hướng điều chỉnh: Tiếp tục phát triển khu công nghiệp Long Bình An trong cụm các khu công nghiệp - dịch vụ - đô thị Long Bình An. Không mở rộng diện tích khu công nghiệp.

b) Định hướng tổ chức không gian

Bao gồm 4 định hướng chính:

- Vùng phát triển đô thị sẽ nằm theo hướng Tây Bắc Đông Nam dọc theo tuyến đường tránh QL2 và dòng sông Lô.

- Vùng phát triển đô thị được che chắn bởi 3 ngọn núi phía Đông Bắc, Tây Bắc và phía Nam.

- Phía Bắc là vùng đô thị lịch sử hiện hữu, bảo tồn và phát triển có bản sắc.

- Phía Nam thành phố sẽ phát triển vùng đô thị năng động theo định hướng là đô thị mới hiện đại, gắn kết với các tuyến giao thông đối ngoại : trục đối ngoại Đông Tây, đường Hồ Chí Minh, đường cao tốc kết nối thành phố Tuyên Quang với cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

- Phía Tây thành phố là vùng đệm đô thị, sản xuất nông nghiệp và du lịch sinh thái hỗ trợ cho sự phát triển của thành phố.

- Phía Đông thành phố là vùng núi bảo vệ thành phố kết hợp du lịch văn hóa tâm linh sinh thái.

c) Giải pháp tổ chức không gian

Giải pháp tổ chức không gian đô thị trên đề xuất gắn với việc sử dụng hiệu quả quỹ đất đô thị, đặc biệt tại các khu vực có quỹ đất xây dựng thuận lợi.

Với lợi thế là một đô thị vùng trung du miền núi, việc phát triển du lịch sinh thái và tiểu thủ công nghiệp là ưu tiên hàng đầu của thành phố. Khu vực gần trung tâm hành chính - chính trị tỉnh là nơi thích hợp nhất để mở rộng và phát triển thương mại dịch vụ bởi lợi thế ven trục đường chính, khu vực đất bằng phẳng, diện tích lớn, đồng thời có lợi thế cảnh quan đẹp được tạo bởi các hồ đào và công viên cây xanh.

Xây dựng mở rộng thành phố khang trang, phân khu chức năng chặt chẽ. Gắn kết hài hoà giữa phát triển đô thị, cảnh quan và bảo vệ môi trường. Các công trình kiến trúc nên được xây dựng mang đặc trưng đô thị miền núi về hình khối, phù hợp với cảnh quan thiên nhiên và địa hình của thành phố, khai thác tối đa hình ảnh kiến trúc của các đồng bào dân tộc vào kiến trúc công trình.

Do đặc điểm địa hình nên Tuyên Quang thích hợp với cấu trúc đô thị cụm, với trục chính là đường tránh Quốc lộ 2, trục đường Bình Thuận.

\* Hướng tổ chức các không gian chính của đô thị

Trước những yêu cầu của thành phố trong tương lai, sự hình thành một trung tâm hành chính tập trung, trung tâm tiểu thủ công nghiệp cấp tỉnh, trung tâm thương mại dịch vụ cấp vùng là cần thiết, nhằm tạo nên bộ mặt đô thị khang trang, hiện đại; đồng thời là biểu tượng, bộ mặt cho vùng.

\* Trung tâm toàn đô thị (*trung tâm thành phố*)

Bao gồm các công trình chủ yếu như: khu hành chính chính trị tỉnh vẫn phát triển khu hành chính của tỉnh tại lô đất hiện trạng, tuy nhiên do nhu cầu sử dụng trong tương lai, đề xuất thêm một diện tích đất dự trữ dành cho các trụ sở cấp tỉnh tại phía Bắc đường dẫn cầu Tân Hà, khu văn hóa thể dục thể thao được bố trí xây dựng tại khu cửa ngõ phía Tây của thành phố;

\* Khu trung tâm thương mại dịch vụ:

Bố trí tập trung chủ yếu tại trục đường Bình Thuận, các trục đường Tân Trào, cứu hộ kéo dài, trục đường giao thông chính qua Ủy ban nhân dân thành phố.

Phát triển thêm 2 cụm thương mại đầu mối: phía Tây và phía Nam.

\* Du lịch sinh thái, dịch vụ du lịch:

Trên cơ sở phát triển, giữ gìn, bảo tồn văn hóa, kiến trúc khu vực thành phố Tuyên Quang tạo thành những điểm du lịch văn hóa (*khai thác triệt để các quỹ đất có tiềm năng du lịch tại các khu vực thuộc phường Mỹ Lâm, khu núi Dùm, công trời, thiền viện Trúc Lâm*).

\* Cây xanh:

Ưu tiên đẩy mạnh phát triển hệ thống cây xanh tạo cảnh quan cho thành phố, kết hợp hình thành dải xanh ven sông Lô, các con suối chạy cắt ngang qua đô thị để xuyên suốt và liên mạch với hành lang bảo vệ nguồn nước đồng thời mang tính chất vùng đệm chuyển tiếp không gian, điều tiết khí hậu giữa các khu vực dân cư.

Tận dụng các khoảng đất trống, khó xây dựng, những vùng đất ven suối, đồi cao sẽ được trồng cây xanh, vừa cách ly bảo vệ nguồn nước, vừa tạo thành những dải xanh liên mạch, chuyển tiếp không gian giữa các vùng và điều hòa khí hậu cho thành phố Tuyên Quang.

Ngoài ra là những vùng sinh thái lâm nghiệp, hệ thống cây xanh cách ly các khu đô thị, vùng đệm sinh thái và bảo vệ nguồn nước dọc các nhánh suối chính của thành phố.

- Các khu dân cư xây dựng mới (*gồm khu ở mới, khu tái định cư, nhà ở dịch vụ*): Kế thừa quy hoạch chung cũ và các quy hoạch phân khu, chi tiết đã được phê duyệt, phát triển các khu vực đất trống hoặc dân cư thưa thớt thành các tiểu khu đô thị.

Bổ sung những cụm dân cư, khu đô thị mới thông qua việc san lấp những ngọn đồi nhỏ, thấp trong thành phố. Tuy nhiên phải tận dụng địa hình tối đa, tránh san lấp quá nhiều làm ảnh hưởng đến các điều kiện tự nhiên của thành phố, nhất là khu vực những ngọn núi xung quanh.

Phát triển 3 khu đô thị mới tại phía Tây, phía Đông (*đô thị Nông Tiến*) và phía Bắc (*đô thị mới phía Bắc đường dẫn cầu Tân Hà, gắn với cụm Đại học*).

Tận dụng các sườn đồi, núi thoải để xây dựng các cụm dân cư, tiểu khu đô thị, thể hiện được tính chất của một đô thị vùng cao. Tại những tiểu khu đô thị sát

núi, xây dựng những công trình mang dáng dấp văn hóa dân tộc để đáp ứng nhu cầu về diện tích và đáp ứng nhu cầu ở tương lai của thành phố Tuyên Quang.

- Khu vực phát triển kinh tế nông nghiệp chủ đạo: Tại các xã ngoại thành của thành phố sẽ quy hoạch các khu vực trồng rau, cây ăn quả, trồng hoa, trồng lúa,...

Khu vực phía Tây đường tránh QL2: phát triển nông nghiệp sinh thái công nghệ cao, tạo vùng đệm phía Tây cho thành phố.

d) Quy hoạch phân khu chức năng

***Quy hoạch phân khu chức năng:***

Các khu chức năng được chia cụ thể như sau:

\* Khu hành chính chính trị tỉnh, thành phố (*tổng diện tích khoảng 119 ha*)

Trung tâm hành chính cấp tỉnh: Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh vẫn sử dụng trụ sở hiện tại, trong tương lai bố trí quỹ đất tại phía Bắc đường nối cầu Tân Hà, thuộc phường Tân Hà, xây dựng các cơ quan ban ngành của tỉnh.

Trung tâm hành chính cấp thành phố: Giữ nguyên vị trí hiện nay tại khu vực trung tâm phường An Tường và bổ sung thêm các trụ sở cơ quan ban ngành của tỉnh, một số Sở ban ngành khi được di dời lên Khu trung tâm hành chính mới sẽ chuyển đổi, bổ sung cho trung tâm hành chính của thành phố. Hình thành tuyến phố thương mại dịch vụ sầm uất, các không gian đi bộ liên hoàn gắn kết với không gian cây xanh vườn hoa, cây xanh ven sông Lô. Chỉnh trang các tuyến phố trung tâm, tăng cường thêm tiện ích đô thị như biển báo, chiếu sáng,...

Các trung tâm sở, ban, ngành khác đóng trên địa bàn thành phố: Nâng cấp, cải tạo, chỉnh trang.

\* Trung tâm văn hóa (*diện tích khoảng 17 ha*): Duy trì nâng cấp các công trình như: Quảng trường thành phố, bảo tàng, thư viện tỉnh,... Hoàn thiện quảng trường tượng đài Bác Hồ, quảng trường thành phố, đường dọc sông Lô, các trung tâm văn hóa cấp phường được xây dựng trong các khu đô thị mới quy mô 0,5 ha/nhà văn hóa.

\* Khu trung tâm thương mại - dịch vụ (*tổng diện tích khoảng 111,5 ha*)

Không gian trung tâm dịch vụ trung chuyển phía Nam: Xây dựng các công trình dịch vụ kho vận, trung tâm thương mại,... có khối tích lớn, tầng cao trung bình theo dọc trục trung tâm. Các công trình dịch vụ về ăn nghỉ, giải trí, mua sắm nhỏ tổ chức phía sau.

Trung tâm hội chợ triển lãm: Thực hiện vai trò đầu mối để đưa hàng hoá của tỉnh tham gia vào các hội chợ, triển lãm quốc tế; cung cấp các dịch vụ hàng hóa tiêu dùng, bán buôn, xuất nhập khẩu với quy mô 14 ha, tại phía Bắc đường Quốc lộ 37, thuộc Khu đô thị mới Kim Phú.

Trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp tại đô thị phía Bắc thuộc phường Tân Hà, tại cửa ngõ giữa tuyến đường nối cầu Tân Hà giao với tuyến đường tránh Quốc lộ 2 đi vào trung tâm thành phố. Xây dựng các khối nhà cao tầng của các tổ hợp thương mại, chung cư, văn phòng cho thuê, trung tâm văn hóa... với bố cục giảm dần tầng cao từ các khu chức năng ra phía vùng lâm viên đồi rừng.



Chợ đầu mối: Xây dựng thêm chợ đầu mối với quy mô từ 3 - 5 ha/01 chợ, sẽ là nơi tập trung hàng hóa, sản phẩm của tỉnh, trung tâm giao thương, bán buôn tập kết hàng hóa và phát luồng phân phối đến các vùng, địa phương khác hoặc xuất khẩu.

Dự kiến xây dựng mới 03 siêu thị, trong đó: 01 siêu thị hạng 01 quy mô 1 - 1,5 ha/siêu thị; 05 trung tâm thương mại bố trí tại trung tâm của 03 khu đô thị lớn.

Xây dựng mạng lưới chợ nội thành (*trên cơ sở đầu tư nâng cấp các chợ hiện nay trong nội thành cũ, chợ xây mới trong các đô thị mới*) quy mô 0,5 - 1 ha/chợ.

\* Khu trung tâm thể dục thể thao:

Hình thành trung tâm thể dục thể thao cấp tỉnh tại cửa ngõ phía Tây trên đường tránh Quốc lộ 2 như Đề án Quy hoạch chung năm 2018 đã xác định quy mô 20 ha, gồm: Quảng trường Nguyễn Tất Thành, sân vận động trung tâm, nhà thi đấu, bể bơi và sân thi đấu ngoài trời. Đây sẽ là nơi tổ chức các sự kiện văn hóa thể dục thể thao cho tỉnh và thành phố.

\* Khu trung tâm y tế:

Quy mô khoảng 10 ha. Tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh bệnh viện đa khoa tỉnh. Xây thêm 01 bệnh viện đa khoa và 01 trung tâm dịch vụ y tế tại phía Bắc phường Tân Hà và phía đô thị mới An Tường. Nâng cấp, cải tạo các trạm y tế các xã, phường hiện có, bổ sung xây mới các cơ sở y tế tại các khu đô thị mới, nâng cấp trung tâm điều dưỡng tại Mỹ Lâm.

\* Khu công viên cây xanh (*tổng diện tích công viên cây xanh trong thành phố khoảng 331 ha*).

Hình thành vùng không gian xanh hai bên sông Lô kết hợp với các không gian xanh phục vụ khu ở và các không gian dịch vụ thương mại khai thác theo mùa đoạn qua khu trung tâm, tạo nên nét đặc trưng cho trung tâm thành phố. Hình thành các công viên chức năng dọc theo hai bên bờ sông Lô, nâng cao hình ảnh đô thị, đồng thời kết nối với các khu chức năng lân cận.

Thành phố sẽ có 04 công viên chính xen kẽ trong các khu đô thị và đảm bảo bán kính phục vụ cho các khu vực lân cận.

Các công viên sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc điều hòa không khí, môi trường và tạo cảnh quan cho đô thị. Đem đến cuộc sống chất lượng cao cho người dân thành phố.

Tổ chức các công viên, vườn hoa trong các khu ở kết nối với các công viên đô thị và không gian xanh hai bên sông Lô và vùng sinh thái nông nghiệp hai bờ sông hình thành nên một mạng lưới cây xanh liên hoàn cho toàn thành phố.

Đảm bảo tiêu chuẩn đất cây xanh công viên: 6 – 10 m<sup>2</sup>/người, tỷ lệ cây xanh chiếm 5 - 10% đất xây dựng đô thị.

\* Khu ở

Khu vực dân cư cũ (*thuộc các phường nội thành cũ*): Giữ lại không gian kiến trúc văn hoá truyền thống các khu dân cư đô thị hiện hữu, khu phố cũ. Hạn chế không di dời dân cư và xây dựng nhà cao tầng, khuyến khích giữ nguyên mật độ xây dựng và tầng cao như hiện nay, từng bước cải tạo xây dựng chỉnh trang. Bổ sung và hoàn thiện các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

Các khu đô thị mới: Phát triển các khu nhà ở mới theo hướng hiện đại, tầng cao phù hợp với tổ chức không gian đô thị trong từng khu vực.

Quy đất xây dựng cho thành phố không nhiều do bị khống chế bởi nhiều yếu tố địa hình, môi trường, bảo vệ quỹ đất nông nghiệp,... do đó tại các khu đô thị mới cần có các mật độ xây dựng phù hợp, khuyến khích phát triển nhà ở gắn kết với địa hình tự nhiên, gắn kết với các hoạt động công cộng đô thị, tạo dựng không gian mở, không gian quảng trường đô thị.

\* Quy hoạch các khu vực phát triển công nghiệp, trung chuyển hàng hóa, kho tàng.

Tiếp tục đẩy nhanh tiến trình hoàn thiện cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Long Bình An và thu hút đầu tư với quy mô giữ nguyên là 1.023 ha (*gồm 04 khu công nghiệp: khu 1 diện tích 130,81 ha, khu 2 diện tích 296,67 ha, khu 3 diện tích 360,92 ha, khu 4 diện tích 234,6 ha*); khu dịch vụ công 44,68 ha; khu tái định cư 182,0 ha với các ngành nghề chủ yếu như: cơ khí, chế biến nông lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, may mặc,...

Đề xuất di chuyển Cụm nhà máy xi măng Trảng Đà, chuyển đổi mục đích sử dụng sang ở đô thị mới, thành lập Khu dân cư mới Trảng Đà với quy mô khoảng 14,1 ha.

\* Khu vực dân cư nông thôn hiện hữu và phát triển nông nghiệp: Các khu vực dân cư hiện hữu, cần tuân thủ các định hướng lớn của đô thị và triển khai theo quy hoạch nông thôn mới. Dựa vào điều kiện tự nhiên cần bảo tồn, tôn tạo các cấu trúc hiện hữu có giá trị, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đấu nối với hạ tầng khung của đô thị và khu vực. Phát huy hiệu quả các quỹ đất nông nghiệp.

\* Các khu vực du lịch sinh thái: Hình thành khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng tại khu vực suối khoáng Mỹ Lâm và khu du lịch sinh thái tâm linh tại khu vực núi Dùm - thiền viện Trúc Lâm.

### ***Phân vùng kiến trúc cảnh quan***

\* Không gian theo vùng chức năng chính:

Không gian đô thị hiện hữu (*khu vực lõi đô thị hiện hữu*).

Không gian đô thị mới (*khu phát triển mới phía Tây, phía Bắc, phía Đông và phía Nam*).

Không gian công nghiệp.

Không gian vùng đệm nông nghiệp sinh thái và du lịch.

\* Không gian theo các trục không gian chính, bao gồm:

Trục chính Bình Thuận: Giai đoạn 2020 - 2030 và tiếp theo, đường Bình Thuận sẽ là trục chính tổng hợp thành phố.

Hình thành trục trung tâm chính của đô thị kết nối di tích thành nhà Mạc và quảng trường Nguyễn Tất Thành.

Nơi tập trung các công trình trung tâm thương mại, văn phòng, trung tâm thể thao tỉnh.

Là nơi diễu hành của Lễ hội Thành Tuyên hàng năm. Kết nối từ cửa ngõ phía Tây tới quảng trường Nguyễn Tất Thành.

Trục dịch vụ du lịch: Xuyên suốt từ suối khoáng Mỹ Lâm qua thành phố tới núi Dùm - thiên viện Trúc Lâm. Với việc đầu tư xây dựng cầu Tình Húc sẽ tạo tuyến kết nối phườnng Nông Tiến bãi soi Tình Húc gắn với Quốc lộ 37 sẽ trở thành trục đường du lịch của thành phố. Việc hình thành trục này sẽ thuận tiện cho việc kết nối các điểm du lịch trong và ngoài thành phố, tạo động lực thúc đẩy du lịch dịch vụ phát triển mạnh. Do đó, cần chú trọng đầu tư, cải tạo hạ tầng và hệ thống giao thông công cộng phục vụ khách du lịch trên tuyến này.

Trục cảnh quan ven sông: Xây dựng tuyến đi bộ dọc hai bên bờ sông Lô dành cho người đi bộ, đóng vai trò là trục cảnh quan ven sông, phục vụ các hoạt động vui chơi giải trí, dịch vụ du lịch trên sông nhằm hướng các hoạt động mang tính cộng đồng ra bờ sông Lô. Tạo dựng hình ảnh thành phố 2 bên bờ sông. Đề xuất nghiên cứu tạo cảnh quan ngay trong giai đoạn lập Dự án xây dựng tuyến đường 2 bên sông Lô đang được thực hiện.

\* Không gian theo các khu vực trọng tâm:

Quy hoạch các cụm công trình chính và các khu vực cửa ngõ.

Quy hoạch cụm công trình điểm nhấn, bao gồm: trung tâm hành chính tỉnh, trung tâm hành chính thành phố, cụm công trình văn hóa, thể dục thể thao (*bảo tàng, trung tâm triển lãm, nhà hát, tổ hợp sân vận động, nhà thi đấu*)

Quy hoạch cụm công trình thương mại, dịch vụ hỗn hợp tại các khu vực cửa ngõ và các quảng trường giao thông quan trọng vào trung tâm thành phố.

Các khu vực quảng trường và tượng đài:

Quảng trường tượng đài Bác Hồ - cây đa Tân Trào tại trung tâm hiện hữu của thành phố.

Quảng trường gắn với khu xây dựng các công trình hành chính mới của tỉnh tại khu vực trung tâm đô thị mới Tân Hà.

Tổ chức 04 cửa ngõ chính vào thành phố:

Cửa ngõ số 1 - cửa ngõ phía Bắc: Hướng từ nút giao đường cầu Tân Hà và đường tránh Quốc lộ 2 vào thành phố.

Cửa ngõ số 2 - cửa ngõ phía Nam: Hướng từ nút giao đường Hồ Chí Minh giao với đường tránh Quốc lộ 2 vào thành phố.

Cửa ngõ số 3 - cửa ngõ phía Đông: Cửa ngõ trung chuyển giao thông đối ngoại.

Cửa ngõ số 4 - cửa ngõ phía Tây: Cửa ngõ thể thao.

### ***Hướng dẫn thiết kế đô thị***

\* Các vùng kiến trúc cảnh quan chủ đạo

Thành phố Tuyên Quang có địa hình trải dài, 2 bên là những dãy núi cao, khoảng giữa là khu vực bằng phẳng. Địa hình này là lợi thế cho việc tổ chức không gian theo chiều đứng, các điểm nhấn, điểm nhìn tạo cảnh quan, và sự đa dạng của cấu trúc đô thị. Cấu trúc đô thị cần được sắp xếp, bố trí xây dựng các

công trình với ý tưởng cao dần đều về phía núi, thấp dần đều về giữa, cụ thể là trục đường Bình Thuận, đường Tân Trào.

Thành phố có hệ thống mặt nước chính là dòng sông Lô chảy qua thành phố và hệ thống hồ ao trên địa bàn, dòng chảy của suối theo địa hình đã tạo nhiều điểm nhìn phong phú sinh động. Hệ thống mặt nước trong thành phố rất có giá trị về cảnh quan, khai thác du lịch sinh thái và điều hoà khí hậu.

Hệ thống núi trong ranh giới quy hoạch thành phố chiếm một tỷ lệ tương đối lớn. Các ngọn núi với nhiều đỉnh cao từ đó có thể nhìn bao quát toàn thành phố, có ý nghĩa cảnh quan rõ rệt, tạo sự phong phú và sinh động cho cấu trúc không gian của Tuyên Quang.

**\* Khung thiết kế đô thị tổng thể**

Với vị thế là một đô thị trung tâm tỉnh, thành phố Tuyên Quang đặc biệt cần chú trọng và đẩy mạnh, đẩy sâu công tác thiết kế đô thị, ưu tiên đầu tư cho các dự án thiết kế đô thị. Khai thác triệt để cảnh quan tự nhiên hai bên sông Lô. Về tổng quan toàn đô thị có thể phân ra các mảng chính.

Không gian khu thương mại, dịch vụ và kinh tế (*bao gồm: thiết kế đô thị điển hình cho các trục chính, tổ chức không gian tại các nút giao thông, không chế tầng cao, màu sắc chủ đạo từng khối công trình có cùng chức năng, nghiên cứu thiết kế mặt đứng mảng công trình có hướng quay mặt về phía đường trục chính, hình thái cây xanh, cột đèn, ghé đá, vật liệu,...*).

Không gian khu hành chính, chính trị dọc hai bên trục đường Tân Trào, và trục đường qua UBND thành phố (*chú trọng thiết kế cho từng khu vực quảng trường, từng công trình điểm nhấn, hệ thống cây xanh hai bên trục đường*).

Không gian các khu dân cư, khu ở chỉnh trang cải tạo.

Không gian chỉnh trang, bảo tồn khu đô thị trung tâm cũ hiện hữu và không gian lõi bảo tồn khu dân cư phường Minh Xuân (*đánh giá từng công trình, từng mảng công trình về chất lượng và giá trị lịch sử, thiết kế cải tạo mặt đứng dọc hai bên các trục đường Tân Trào, Bình Thuận,...*).

Sự chuyển đổi không gian từ không gian lõi đô thị bảo tồn sang không gian các khu đô thị mới.

Các không gian xanh, mặt nước, công viên, vườn dạo, đồi cảnh quan.

Đối với từng vùng cảnh quan có giải pháp thiết kế kiến trúc, màu sắc, xử lý mảng khối đặc thù phù hợp với chức năng từng phân vùng riêng biệt.

Đối với khu vực mở rộng: Tiếp tục đầu tư các dự án phân khu đô thị theo các cụm đô thị khu vực đồi thấp và cải tạo chỉnh trang đô thị.

đ) Định hướng phát triển hạ tầng xã hội

**\* Giáo dục:**

Giáo dục phổ thông:

- Dự kiến đến năm 2020 toàn thành phố có 58 trường từ Mầm non đến Trung học cơ sở. Xây dựng nâng cấp 6 trường học gồm: 2 trường Mầm non, 2 trường Tiểu học, 2 trường Trung học cơ sở.

### Giáo dục cao đẳng và đại học:

- Gồm các trường đào tạo nghề, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp ... bố trí phía Bắc của thành phố. Cụm các trường chuyên nghiệp được bố trí tại phía Tây (*thuộc Kim Phú*) và phía Nam (*thuộc An Tường*).

#### \* Y tế :

Tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh bệnh viện đa khoa tỉnh. Xây thêm 01 bệnh viện đa khoa và 01 trung tâm dịch vụ y tế tại phía Bắc phường Tân Hà và 1 bệnh viện chuyên ngành phía đô thị mới An Tường. Nâng cấp, cải tạo các trạm y tế cấp phường hiện có, bổ sung xây mới các cơ sở y tế tại các khu đô thị mới, nâng cấp trung tâm điều dưỡng tại Mỹ Lâm.

#### \* Thương mại dịch vụ:

- Xây dựng 4 trung tâm thương mại tại các vị trí giao thông đầu mối: 1 tại vị trí phường Nông Tiến để phục vụ cho hội chợ, một tại khu vực xung quanh nút giao trục Bình Thuận

- Xây dựng 2 chợ đầu mối tại 2 vị trí: cửa ngõ phía Đông và cửa ngõ phía Nam

- Trục thương mại dịch vụ đường Bình Thuận là nơi tập trung các trung tâm thương mại lớn, bán buôn và bán lẻ như các tập đoàn Metro, AEON mall; big C,...

- Trục đô thị mới đường Lý Thái Tổ được định hướng là nơi tập trung các hoạt động thương mại và các hoạt động vui chơi giải trí trong nội đô.

#### \* Các công trình công cộng :

- Bố trí quỹ đất để xây dựng nhà văn hóa, trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường phục vụ cho việc nâng cấp phường, xã.

- Các công trình công cộng phục vụ dân cư đô thị thuộc 2 cấp phường xã và thành phố, những công trình này được bố trí đầy đủ và đồng đều ở các trung tâm các phường xã và ở các trung tâm khu vực thành phố.

- Các công trình công cộng đô thị cải tạo và xây dựng mới bao gồm trường Trung học phổ thông, bệnh viện đa khoa, nhà hộ sinh, khu thể thao cơ bản, sân vận động, cung văn hóa, nhà văn hóa, thư viện, bảo tàng, triển lãm trưng bày, nhà hát, cung thiếu nhi, siêu thị, trung tâm dịch vụ tổng hợp, vườn ươm, công viên thành phố, nghĩa địa, các cơ quan hành chính - chính trị,...

- Các công trình cấp thành phố chính và thứ cấp có thể nâng cấp và bố trí cùng trung tâm cấp tỉnh và cũng tùy từng dự án cụ thể gắn kết cả trung tâm thứ cấp thành phố và các trung tâm phường.

- Công trình công cộng phục vụ các nhóm ở, khu ở và phường xã: bao gồm công trình ở đơn vị ở như Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở, phòng khám, trạm y tế, sân tập luyện thể dục thể thao, vườn học, phòng văn hóa, câu lạc bộ, chợ, nhà hàng, cửa hàng dịch vụ, các cơ quan chức năng quản lý hành chính, chính trị, đảm bảo an ninh trật tự xã hội yêu cầu đặt tại trung tâm phường, xã, đơn vị với bán kính không quá 500m đi bộ. Tận dụng những công trình cũ chỉnh trang cải tạo ngày càng hiện đại hóa. Đối với các khu mới xây dựng hiện đại chất lượng dịch vụ cao.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp khu du lịch nghỉ dưỡng suối khoáng Mỹ Lâm và khu du lịch tâm linh thiền viện Trúc Lâm để phục vụ cho nhu cầu du lịch nghỉ dưỡng, tham quan của nhân dân thành phố và du khách.

- Nhà thi đấu đa năng cấp tỉnh và vùng được xây mới bố trí tại khu vực cửa ngõ phía Tây, đầu trục đường Bình Thuận vào thành phố, phục vụ tập luyện thi đấu lớn, bao gồm sân vận động, nhà thi đấu, đào tạo vận động viên cấp cao bãi tập hiện đại.

- Tại các đơn vị ở hoặc kết hợp khu vực liên đơn vị ở xây dựng các bãi tập luyện thi đấu thể dục thể thao thường xuyên.

e) Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật

\* Đường bộ

Cải tạo và nâng cấp các tuyến:

+ Quốc lộ 2: Đoạn tránh 67 m bao gồm đường gom 02 bên, đoạn còn lại từ nút giao đường tránh tới đoạn giao với đường Hồ Chí Minh quy mô 40 m (*trong đó 1 phần Quốc lộ 2 sẽ đi trùng với đường Hồ Chí Minh*). Đoạn đường phía Bắc thành phố ngoài đường tránh quy hoạch theo đường ngoài đô thị quy mô cấp II miền núi nền 24 m, mặt 15 m.

+ Quốc lộ 37: Quy mô cấp II miền núi nền 21 m, mặt 15 m. Trục đường đi qua thành phố rộng 30 - 63 m (*đường Tân Trào: 30 m, Bình Thuận: 63 m*).

+ Quốc lộ 2C : Quy mô cấp II miền núi nền đường 21 m, mặt đường 15 m cần được cải tạo nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp II miền núi.

+ Tỉnh lộ 186: Một phần được quy hoạch thành đường chính trong Khu công nghiệp Long Bình An, quy mô 60 m bao gồm phần cách ly, đường gom.

Xây dựng mới:

+ Dự án đường cao tốc nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai với thành phố Tuyên Quang, lộ giới 40 m.

+ Tuyến Vành đai số 1 kết hợp cầu An Khang, lộ giới 50 m.

+ Tuyến Vành đai số 2 kết nối trực tiếp Khu công nghiệp Long Bình An với Quốc lộ 37, lộ giới 40 m.

+ Tuyến đường trục phát triển đô thị: Nền 24 m, mặt đường 15 m.

+ Tuyến đường tránh Quốc lộ 37 phía Bắc, song song với Quốc lộ 37, kết nối Mỹ Lâm với trục đường Lê Lợi, lộ giới 36 m.

+ Tuyến đường theo trục Bắc Nam, kết nối Mỹ Lâm với khu vực xây dựng sân golf, lộ giới 32 m.

\* Đường thủy:

+ Tuyến Việt Trì - Tuyên Quang: Cải tạo, phá đá, thanh thải dòng chảy, nạo vét các điểm bị bồi lấp cát sỏi trên lòng sông.

+ Đầu tư xây dựng cảng Tuyên Quang, cảng An Hòa, cảng Z113.

Cảng Tuyên Quang là cảng tổng hợp: Giai đoạn 2020 tiếp nhận 200 tấn, công suất cảng 300.000 tấn/năm, giai đoạn 2030 cỡ tàu tiếp nhận 200 tấn, công suất cảng 500.000 tấn/năm.

Cảng chuyên dùng Tân Hòa, Z113, An Hòa: Cỡ tàu tiếp nhận 300 tấn, công suất 100.000 - 150.000 tấn/năm.

Cải tạo nâng cấp các bến thuyền, đảm bảo phục vụ vận tải trong mùa mưa lũ: Bến Tân Hà, Tràng Đà, Tân Quang.

Xây dựng một số bến thuyền du lịch nhằm khai thác cảnh quan 2 bên bờ sông Lô.

\* Công trình phục vụ giao thông:

+ Bến xe đôi ngoại: Được bố trí tại khu vực phía Bắc và phía Nam thành phố, bến xe cũ trở thành bến xe buýt và phục vụ vận tải trong tỉnh, là bến xe loại II diện tích khoảng 2,8 ha. Bến xe phía Bắc dự kiến bố trí gần nút giao Quốc lộ 2 và đường dẫn cầu Tân Hà là bến xe loại III, quy mô diện tích khoảng 2 ha.

+ Cầu qua sông Lô (*dự kiến xây dựng thêm 02 cầu mới*) gồm:

Cầu Trường Thi nối Quốc lộ 37 và khu trung tâm với đường Hồ Chí Minh.

Cầu An Khang nằm trên tuyến Vành đai 1, thay thế Quốc lộ 37 đi vào khu vực nội thành.

\* Giao thông nội thành:

+ Xác định quy mô phân cấp đường

Hệ thống đường chính thành phố có quy mô mặt cắt từ 30 - 63 m.

Hệ thống đường liên khu vực có quy mô mặt cắt từ 21 - 31 m.

Hệ thống đường chính khu vực có quy mô mặt cắt từ 13,5 - 21 m.

+ Các tuyến có mặt cắt từ 13,5 - 15 - 18 là các tuyến trong khu hiện trạng không có quỹ đất để mở rộng.

+ Hệ thống đường khu công nghiệp quy mô mặt cắt từ 21 - 100 m.

- Tổ chức vận tải hành khách công cộng (*các tuyến xe buýt dự kiến*)

+ Tuyến 1: Trường Đại học Tân Trào - bến xe trung tâm thành phố - suối khoáng Mỹ Lâm.

+ Tuyến 2: Thành phố Tuyên Quang - Khu công nghiệp Long Bình An.

+ Tuyến 3: Thành phố Tuyên Quang - thị trấn Yên Sơn (*Yên Sơn*) (*đang hoạt động*).

+ Tuyến 4: Thành phố Tuyên Quang - Khu di tích lịch sử văn hóa Quốc gia Tân Trào (*đang hoạt động*).

+ Tuyến 5: Thành phố Tuyên Quang - thị trấn Tân Yên (*Hàm Yên*).

+ Tuyến 6: Thành phố Tuyên Quang - thị trấn Sơn Dương (*Sơn Dương*).

+ Tuyến 7: Thành phố Tuyên Quang - thị trấn Vĩnh Lộc (*Chiêm Hóa*) (*đang hoạt động*).

g) Định hướng quy hoạch san nền, thoát nước mưa

\* Quy hoạch san nền:

+ Khu vực đô thị cũ: ít tác động đào đắp chỉ giữ nguyên địa hình. Khi xây dựng các công trình mới Cao độ xây dựng tại các khu vực này  $\geq 25,5\text{m}$  gắn kết với cao độ nền hiện trạng tùy theo từng vị trí.

+ Khu vực đô thị xây dựng mới: Cao độ xây dựng  $\geq 26,5\text{m}$ , đảm bảo theo mức ngập tần suất 10%.

+ Các khu vực đồi ở phía Tây và phía Tràng Đà, Nông Tiến san lấp cục bộ, giạt cấp để giảm khối lượng san và phá vỡ địa hình tự nhiên quá nhiều.

\* Quy hoạch thoát nước mưa:

- Lựa chọn hệ thống thoát nước mưa:

+ Đối với khu vực đô thị cũ:

Cải tạo các công hiện trạng đã có, tăng cường các giếng thu, khơi thông dòng chảy các cống ra sông Lô. Nhanh chóng xây dựng tuyến cống bao nước bản tại các cửa xả ra sông Lô và các hồ để đảm bảo vệ sinh đô thị và nguồn nước sông Lô.

Xây thêm các tuyến cống mới trên các đường nhánh chưa có cống dẫn ra cống chính, thoát ra sông Lô.

+ Đối với khu vực đô thị xây dựng mới:

Xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước trong các khu đô thị mới.

Nạo vét, khơi thông các trục tiêu chính ra sông Lô: suối Chả, kết hợp hồ cảnh Quan, các suối nhỏ chảy qua địa bàn phường Tân Hà, Hưng Thành, Ý La,...

Xây dựng các cống chính khu vực nối vào hồ, các suối.

Khu vực Đông sông Lô xây dựng các cống nhánh dẫn ra các suối nhỏ, thoát ra sông Lô.

Khu công nghiệp Long Bình An thoát ra suối Đội Cán, thoát ra sông Lô.

- Hướng thoát: Trực tiếp ra sông Lô hoặc qua các ngòi chảy qua từng lưu vực thoát nước rồi thoát ra sông Lô.

- Các lưu vực thoát nước: Phân chia thành 8 lưu vực thoát nước.

\* Các công tác chuẩn bị kỹ thuật khác:

- Nạo vét các sông ngòi, kè bờ sông, kè bờ hồ và kè những vùng có nguy cơ trượt, lở.

- Tăng cường trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn để giữ nước, bảo vệ mặt phủ, chống xói, trượt lở.

+ Kiến nghị cần nhanh chóng lập dự án kè hai bờ sông Lô kết hợp đường dạo hai bên bờ tạo cảnh quan đô thị phong quang sạch đẹp.

+ Hình thức kè có thể kết hợp kè đứng và chuyển bậc cho phù hợp với thủy văn, địa hình và cảnh quan hai bờ sông Lô.

h) Định hướng quy hoạch cấp nước:

\* Chỉ tiêu và nhu cầu dùng nước



Tổng nhu cầu dùng nước:

+ Giai đoạn năm 2020: 32.500 m<sup>3</sup>/ngđ

+ Giai đoạn năm 2030: 63.900 m<sup>3</sup>/ngđ.

\* Giải pháp cấp nước

Lựa chọn nguồn:

Giai đoạn đầu tiếp tục sử dụng nguồn nước ngầm và bổ sung nguồn nước sông Lô. Cụ thể như sau:

Khu vực nội thành: Nước ngầm cho giai đoạn đầu và bổ sung thêm nguồn nước sông Lô.

Khu công nghiệp Long Bình An: Khai thác nước ngầm tại chỗ, khu vực ven suối Kỳ Lâm.

Khu du lịch Mỹ Lâm: dùng nguồn nước ngầm tại chỗ.

i) Định hướng quy hoạch cấp điện

\*Giải pháp cấp điện

- Nguồn điện:

+ Lưới điện Quốc gia 220KV: Thiên Bảo - Hà Giang - Bắc Mê - Na Hang Tuyên Quang - Yên Bái, thông qua trạm 220KV Tuyên Quang 2x125 MVA

+ Nguồn điện cấp trực tiếp: lưới 110KV thành phố Tuyên Quang, thông qua trạm 110KV Lương Vượng (1x25 + 1x40)MVA; khu công nghiệp Long Bình An 2x25 MVA

+ Nâng cấp 2 trạm 110KV xi măng Tân Quang 110/35/22KV -2x20 MVA và trạm Gò Trầu 110/35/22KV – 1x25 MVA.

- Lưới điện phân phối:

+ Cải tạo nâng cấp và xây dựng mới để đáp ứng nhu cầu phụ tải

- Điện áp phân phối:

+ Khu vực ngoại thị, khu Mỹ Lâm, khu công nghiệp Long Bình An sử dụng điện áp 35 KV.

+ Khu vực nội thành sử dụng điện áp 10KV.

+ Dùng cáp ngầm trong các khu trung tâm và khu đô thị mới.

+ Sau khi trạm 110kV Gò Trầu hoàn thành đưa lưới 22kV vào sử dụng.

k) Thông tin liên lạc

Theo tính toán nhu cầu của thành phố khoảng **63.380 line**.

\* Giải pháp quy hoạch

Theo kết quả dự báo thuê bao đến năm 2020 trong phạm vi quy hoạch cần một hệ thống chuyển mạch với tổng dung lượng 25.900 số với hệ số sử dụng là 70%, đạt mật độ 47 máy/100 dân. Do vậy cần phải mở rộng dung lượng tổng đài HOST Tuyên Quang.

Đảm bảo các đường trung kế giữa các tổng đài là cáp quang tạo thành mạch vòng (ring) để đáp ứng được nhu cầu thông tin một cách cao nhất, tạo điều kiện mở rộng các loại hình dịch vụ như truyền hình cáp, Internet băng thông rộng, Video phone,...

Hạ ngầm các loại cáp trên đường phố xuống cống bê để đảm bảo chất lượng thông tin và mỹ quan cho thành phố. Đồng bộ với các cơ sở hạ tầng khác để tiết kiệm chi phí khi thi công

Các cống bê cáp và nắp bê đã được chuẩn hoá về kích thước cũng như kiểu dáng - theo quy chuẩn của ngành .

Các bể cáp sử dụng bể đổ bê tông loại 2, 3 nắp đan bê tông dưới hè, 1, 2 hoặc 3 lớp ống

Vị trí và khoảng cách bể cáp cách nhau 60 - 80m.

l) Định hướng Quy hoạch thoát nước thải và quản lý chất thải rắn & nghĩa trang

\* Các chỉ tiêu tính toán và nhu cầu:

- Lượng nước thải cần thu gom và xử lý là :

+ Giai đoạn 2020: 17.100 m<sup>3</sup>/ngđ

+ Giai đoạn 2030: 39.200 m<sup>3</sup>/ngđ

- Chất thải rắn: Lượng chất thải rắn cần thu gom và xử lý :

+ Giai đoạn 2020: 205 tấn/ngđ

+ Giai đoạn 2030: 361 tấn/ngđ

- Tiêu chuẩn và nhu cầu đất nghĩa trang

+ Tiêu chuẩn đất nghĩa trang là 0,06 ha/1000 dân.

+ Nhu cầu đất nghĩa trang cho nội thành thành phố Tuyên Quang đến năm 2020 là 4,8 ha.

+ Nhu cầu đất nghĩa trang cho nội thành thành phố Tuyên Quang đến năm 2030 là 09 ha.

## **2. Tóm tắt Chương trình phát triển thành phố Tuyên Quang**

### **2.1. Quan điểm và mục tiêu phát triển đô thị**

- Quan điểm phát triển

+ Phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020; phát triển đô thị trên nguyên tắc tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, là hạt nhân thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở thành phố và thị trấn thuộc các huyện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

+ Phát triển và phân bố hợp lý đô thị trung tâm các cấp trên địa bàn tỉnh, tạo sự phát triển cân đối giữa các vùng trong tỉnh; phát triển đô thị gắn với phát triển nông thôn và sử dụng hiệu quả, hợp lý quỹ đất trong đô thị nhằm bảo đảm chiến lược an ninh lương thực Quốc gia.

+ Phát triển đô thị phải chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và kiểm soát chất lượng môi trường đô thị, kết hợp hài hòa giữa bảo

tồn, cải tạo và xây dựng mới đô thị xanh, đô thị sinh thái; tăng cường khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu tại các đô thị; phát huy giá trị văn hóa truyền thống, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới để xây dựng đô thị văn minh, hiện đại.

+ Phát triển đô thị miền núi phải đáp ứng nhiệm vụ ổn định chính trị - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh và phù hợp với bối cảnh chung của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, đồng thời kế thừa các thành tựu đã đạt được, khắc phục những yếu kém trong quá trình quản lý đô thị.

+ Phát triển đô thị trên cơ sở hoàn thiện chính sách về quy hoạch, kế hoạch, đất đai, tạo điều kiện huy động khai thác nguồn lực cho đầu tư cải tạo, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong phát triển đô thị.

- Mục tiêu

+ Kiểm soát phát triển hệ thống đô thị theo phân loại, từng bước hoàn chỉnh mạng lưới đô thị phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và nâng cao tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 lên 20%; các đô thị được phân bố và phát triển hợp lý theo vị trí, tính chất, chức năng, đồng thời phát huy thế mạnh và vai trò hạt nhân trong phát triển các vùng kinh tế trong thời điểm của tỉnh.

+ Nâng cao chất lượng sống cho người dân sống trong đô thị, tăng cường sức cạnh tranh giữa các đô thị trong tỉnh với các đô thị trong khu vực Trung du và miền núi Bắc Bộ; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, kiến trúc cảnh quan phù hợp, đồng bộ, hiện đại.

+ Xây dựng Chương trình phát triển đô thị tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020 làm cơ sở cho việc đề nghị phân loại đô thị; triển khai các giải pháp và nhiệm vụ thực hiện cho từng giai đoạn nhằm hoàn thiện cơ chế chính sách, thu hút nguồn vốn và huy động các nguồn lực đầu tư vào mục tiêu xây dựng đô thị, nâng cao năng lực, trách nhiệm của chính quyền đô thị, thiết lập kỷ cương và tạo nguồn lực phát triển đô thị tỉnh Tuyên Quang.

## **2.2. Hiện trạng kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật thành phố Tuyên Quang**

Qua việc rà soát, phân tích, đánh giá, tổng hợp hiện trạng hạ tầng đô thị thành phố Tuyên Quang và đối chiếu với các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường Quốc hội về phân loại đô thị, hiện trạng hạ tầng đô thị thành phố Tuyên Quang được chia làm 03 nhóm tiêu chuẩn chính như sau:

- Nhóm tiêu chuẩn đã đạt, vượt mức tối đa của tiêu chuẩn quy định: 34 tiêu chuẩn.
- Nhóm tiêu chuẩn chưa đạt được điểm tối đa: 22 tiêu chuẩn.
- Nhóm tiêu chuẩn chưa đạt (0 điểm): 3 tiêu chuẩn.

Để tiếp tục đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ, tương xứng với chức năng của đô thị loại II, thời gian tới tỉnh Tuyên Quang nói chung và thành phố Tuyên Quang nói riêng cần có lộ trình triển khai xây dựng các khu vực phát triển đô thị bao gồm các dự án và các nhóm dự án được đề xuất cho từng giai đoạn. Lựa chọn ưu tiên cho các dự án có khả năng thực hiện trước.

Các dự án trên được phân theo 02 nhóm:

- Nhóm ưu tiên 1:

Đầu tư xây dựng trong giai đoạn 2020 - 2022, gồm các dự án có khả năng khắc phục các tiêu chuẩn còn yếu và còn thiếu so với tiêu chuẩn của đô thị loại II, được ưu tiên theo thứ tự: Các dự án đang thực hiện chuẩn bị đưa vào sử dụng, các dự án liên quan đến các tiêu chuẩn phát triển đô thị chuẩn bị tới ngưỡng thấp nhất (trong bảng điểm); các dự án cấp thiết tác động đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội; các dự án có khả năng huy động được ngay nguồn lực từ cộng đồng (*cá nhân, các tổ chức xã hội, kinh tế, doanh nghiệp,...*) và các dự án sử dụng nguồn từ ngân sách nhà nước.

- Nhóm ưu tiên 2:

Gồm các dự án hướng tới hoàn thiện các tiêu chuẩn của đô thị loại II, sẽ được triển khai khi đã đảm bảo đủ nguồn lực cho nhóm ưu tiên 1 hoặc có yếu tố đầu tư từ bên ngoài (*ngoài ngân sách nhà nước*). Đây là các dự án được tập trung thực hiện sau năm 2022 (*giai đoạn 2023 - 2025*) và đến 2030.

### 2.3. Đối với nhóm tiêu chuẩn chưa đạt điểm

a) Đối với tiêu chuẩn: Đất dân dụng

Tiếp tục thực hiện các dự án xây dựng cụm dân cư, khu đô thị mới theo đúng quy hoạch chung thành phố.

- Xây dựng khu đô thị dịch vụ trên bãi soi Tình Húc.

- Khai thác cảnh quan hai bên bờ sông Lô, hình thành khu nhà ở sinh thái hai bên bờ sông làm đa dạng hóa các loại hình nhà ở gắn kết với địa hình tự nhiên của Tuyên Quang.

- Hình thành khu đô thị mới với đầy đủ các chức năng của một đô thị mới, văn minh hiện đại, kết nối trực tiếp suối khoáng Mỹ Lâm với trung tâm thành phố thông qua tuyến đường tránh QL37 phía Bắc; khuyến khích các dạng nhà ở mật độ thấp, nhà vườn, các loại hình đô thị sinh thái.

Rà soát các dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp khu đô thị đã, đang và sẽ đầu tư trên địa bàn thành phố: Cập nhật và thực hiện theo từng dự án riêng, có tính toán đến môi trường, sinh thái.

b) Đối với tiêu chuẩn: Mật độ đường giao thông (*tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy  $\geq 7,5m$* )

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ hoàn thành việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và nông thôn mới.

- Tập trung đầu tư có trọng điểm, ưu tiên các công trình trọng điểm có ảnh hưởng đến sự phát triển của hệ thống giao thông thành phố.

- Xây dựng đường trục của các khu vực xây dựng mới với chiều rộng mặt đường từ 7,5 m trở lên.

- Nâng cấp, mở các tuyến đường nội ô theo quy hoạch; bê tông hóa 100% các tuyến đường hẻm trong khu dân cư; đầu tư đồng bộ các tuyến đường chính đầy đủ hệ thống vỉa hè, cống thoát nước, điện chiếu sáng, cây xanh.

- Yêu cầu các nhà đầu tư đẩy nhanh công tác hoàn thiện các tuyến đường trong các khu đô thị mới.

c) Đối với tiêu chuẩn: Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật.

Giai đoạn ngắn hạn sẽ tập trung đẩy mạnh cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải hiện hữu. Trước mắt tiếp tục đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải Long Bình An giai đoạn 2. Tiếp tục triển khai các dự án xây dựng hệ thống thoát nước thải, xử lý nước thải cho các khu, cụm công nghiệp.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án xây dựng hệ thống thoát nước và Nhà máy xử lý nước thải.

Tập trung xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Quy hoạch chung của thành phố. Tổ chức lập quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết để có cơ sở thực hiện các dự án phát triển kết cấu hạ tầng đô thị.

#### **2.4. Đối với nhóm tiêu chuẩn chưa đạt điểm tối đa**

a) Đối với nhóm chỉ tiêu vị trí, chức năng, vai trò, trình độ phát triển kinh tế - xã hội

Thành phố Tuyên Quang là đô thị có lợi thế phát triển, trong đó đặc biệt là phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch, có khả năng giao lưu phát triển với các vùng khác trong khu vực.

Dịch vụ, du lịch đang là thế mạnh kinh tế của thành phố Tuyên Quang. Trong những năm qua với sự quan tâm đặc biệt của tỉnh, cơ sở vật chất, hạ tầng trên địa bàn thành phố đã có bước phát triển khá nhanh cả về quy mô và chất lượng. Tuy nhiên, sự phát triển thật sự chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh sẵn có. Công tác quy hoạch xây dựng vẫn còn nhiều hạn chế; chất lượng dịch vụ còn thấp; quản lý nhà nước còn nhiều bất cập. Do đó, để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tổ chức thực hiện tốt mục tiêu chuyển dịch cơ cấu sản xuất trong nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa nhằm tăng thu nhập bình quân đầu người.

Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu lực lãnh đạo quản lý đối với quá trình phát triển kinh tế: Nông nghiệp phát triển mạnh sản xuất rau sạch, hoa, cây xanh, chế biến thực phẩm sạch. Tạo điều kiện thuận lợi, ổn định duy trì sản xuất kinh doanh của các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp hiện có.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình phát triển đô thị, Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Tuyên Quang phù hợp với tiềm năng, lợi thế của tỉnh; đồng thời phù hợp với nội dung Chương trình phát triển đô thị của tỉnh Tuyên Quang.

Tiếp tục tiến hành lập các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và thực hiện điều chỉnh các quy hoạch này khi cần thiết. Tổ chức thường xuyên công tác cập nhật mới các yếu tố phát sinh trong quá trình thực hiện quy hoạch.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Người lao động được đào tạo thành thạo về kỹ năng nghề nghiệp, năng lực kinh doanh, có khả năng làm chủ khoa học - công nghệ, có phẩm chất đạo đức tốt,...

Phát triển các tuyến phố thương mại: Khuyến khích các xã, phường chọn một số tuyến đường có thể định hướng thành các tuyến phố thương mại nhằm phát triển kinh tế hộ, giải quyết việc làm, đồng thời xây dựng quy chế quản lý chặt chẽ, kết hợp chặt chẽ giữa kinh doanh với giữ gìn cảnh quan môi trường và trật tự đô thị.

Đối với phát triển du lịch: du lịch sinh thái kết hợp với du lịch văn hóa - lịch sử và dịch vụ phục vụ du lịch được xác định là những lĩnh vực mũi nhọn cần tập trung kêu gọi, thu hút đầu tư trong thời gian tới. Từng bước hình thành các khu du lịch trọng điểm, hiện đại, tiện nghi, đồng bộ đáp ứng nhu cầu của khách du lịch, bao gồm hệ thống khu, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, nhà hàng, cơ sở dịch vụ phục vụ thăm quan, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao, hội nghị và các mục đích khác. Xây dựng, nâng cấp các điểm thăm quan du lịch, chú trọng du lịch sinh thái với tiềm năng và điều kiện hiện có.

#### b) Đối với nhóm tiêu chí quy mô dân số

Để chỉ tiêu về dân số khu vực nội thành đạt tiêu chí đô thị loại II, UBND thành phố tiếp tục thực hiện các kế hoạch, chính sách nhằm thu hút dân cư như:

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các khu đô thị; các khu công nghiệp theo quy hoạch được phê duyệt. Đồng thời, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp đến đầu tư xây dựng và sản xuất tại các khu, cum công nghiệp, góp phần thu hút các lực lượng lao động từ các khu vực lân cận ngoài tỉnh đến sinh sống và làm việc trên địa bàn.

- Huy động và kêu gọi đầu tư triển khai thực hiện các chương trình nhà ở xã hội, nhà ở cho người thu nhập thấp, nhà cho người có công, nhà cho công nhân,... để tăng số lượng loại hình nhà ở, tạo môi trường hấp dẫn mọi tầng lớp người dân đến sinh sống tại thành phố.

- Tiếp tục triển khai dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng các bệnh viện, đầu tư, nâng cấp các trang thiết bị y tế hiện đại góp phần thu hút người bệnh trong vùng đến điều trị, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh trên địa bàn thành phố.

- Tập trung đầu tư xây dựng và từng bước hiện đại hóa thiết bị dạy học các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên ngành, các trường dạy nghề, các trung tâm đào tạo, giới thiệu việc làm cũng được đầu tư mở rộng quy mô đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh và vùng, đồng thời góp phần thu hút các lực lượng học sinh, sinh viên trong vùng đến sinh sống và học tập trên địa bàn thành phố.

#### c) Đối với nhóm chỉ tiêu về cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị

- \* Tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thành so với đất xây dựng

Tại các khu dân cư, khu đô thị hiện đã được quy hoạch trên cơ sở cải tạo, nâng cấp kết hợp với xây dựng một số tuyến đường mới tạo nên hệ thống giao thông liên hoàn.

- \* Công trình công cộng

- Huy động mọi nguồn vốn đầu tư theo chủ trương xã hội hóa đầu tư của Nhà nước nhằm triển khai xây dựng, nâng cấp, cải tạo hệ thống công trình công cộng trên địa bàn.

- Làm tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch làm cơ sở cho các tổ chức, cá nhân xây dựng mạng lưới thương mại dịch vụ tại các xã, phường có tiềm năng để đầu tư phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, tập trung khai thác có hiệu quả những tiềm năng, thế mạnh của thành phố.

\* Cơ sở giáo dục – đào tạo

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa giáo dục, tăng cường huy động các nguồn lực phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển giáo dục, triển khai thực hiện các giải pháp xã hội hóa giáo dục giai đoạn 2020 – 2025.

- Tiếp tục triển khai các Đề án xây dựng kiên cố phòng học, nhà điều hành, phòng học bộ môn, phòng thư viện, phòng truyền thống các trường Tiểu học, Trung học cơ sở và khu trung tâm các trường Mầm non.

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học bao gồm phòng lớp học, phòng thí nghiệm, phòng vi tính, phòng thực hành, xây dựng phòng học bộ môn, nhà rèn luyện thể chất cho các trường Tiểu học, Trung học cơ sở.

- Phát triển hệ thống các cơ sở dạy nghề công lập, khuyến khích phát triển các cơ sở dạy nghề tư nhân, cơ sở dạy nghề thuộc các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội.

- Bổ sung chức năng hướng nghiệp dạy nghề, hỗ trợ đào tạo nghề dài hạn, đào tạo bổ túc văn hóa – nghề cho các trung tâm giáo dục thường xuyên; củng cố các cơ sở giáo dục dạy nghề của thành phố.

\* Tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị với các hình thức khác nhau theo quy định hiện hành.

\* Đầu mối giao thông; Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng

- Để tăng cường tỷ lệ phục vụ hành khách công cộng và chất lượng dịch vụ công cộng, giai đoạn đến 2025 thành phố đang xây dựng, nâng cấp bến xe thành phố.

- Ngoài ra, thành phố đang chuyển đổi, mở rộng xây dựng quy mô bến bãi đỗ xe tĩnh tại các các phường, phát triển các tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt liên tỉnh và nâng cao chất lượng sử dụng dịch vụ. Đồng thời nghiên cứu để tạo cơ chế chính sách phù hợp nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ vận tải đến đầu tư và phát triển về số lượng phương tiện vận chuyển: xe buýt, xe khách, taxi,... góp phần nâng cao chất lượng, tăng tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng của đô thị.

- Đầu tư, trang bị phương tiện vận tải hành khách công cộng để phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân đạt tiêu chuẩn.

\* Đối với nhóm các tiêu chí về Quy chế quản lý kiến trúc đô thị và vệ sinh môi trường

- Thành phố sẽ tăng cường kiểm tra thực hiện xây dựng quy chế quản lý kiến trúc đô thị, xây dựng chương trình, kế hoạch quản lý gìn giữ trật tự cảnh quan môi trường đô thị.

- Tăng cường kiểm tra xử lý kiên quyết việc xây dựng trái phép trên địa bàn thành phố.

- Tăng cường đôn đốc các đơn vị thực hiện công tác vệ sinh, thu gom rác, nạo vét khơi thông cống rãnh, trồng thêm cây xanh đường phố, cây xanh khu dân cư, khu công cộng, hệ thống chiếu sáng công cộng.

## **2.5. Danh mục các dự án đầu tư xây dựng theo từng giai đoạn**

### **a) Các dự án ưu tiên giai đoạn 2020 – 2025**

- Tiếp tục thực hiện quy hoạch theo Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Tuyên Quang.

- Dự án đầu tư mới tuyến đường tránh QL37, lộ giới 40 m, kết nối trực tiếp khu vực phía tây với trung tâm thành phố hiện hữu.

- Kêu gọi đầu tư phát triển các cụm đô thị nông nghiệp công nghệ cao phía Tây.

- Phát triển dự án sân Golf.

- Dự án khai thác đô thị du lịch sinh thái núi Dùm, thiên viện Trúc Lâm.

- Đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng xã hội trên địa bàn thành phố.

- Dự án xây dựng mới bến xe Mỹ Lâm, quy mô 2 ha, là bến xe cấp 2.

- Dự án xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung với công suất 12.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

### **b) Nguồn vốn đầu tư**

- Vốn ngân sách nhà nước (*ngân sách Trung ương và tỉnh*) dành chủ yếu cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Ngân sách thành phố ưu tiên cho đầu tư giải quyết các vấn đề cấp bách, chỉnh trang đô thị,...

- Vốn ngoài nhà nước: Huy động ODA đầu tư cho các công trình hạ tầng đô thị lớn thuộc lĩnh vực giao thông, môi trường, cấp, thoát, xử lý nước thải, rác thải... trong đó quan tâm đến các nhà tài trợ lớn cho Việt Nam như WB, ADB, JICA, AFD,... tranh thủ các dự án NGO để đầu tư cơ sở hạ tầng và hỗ trợ kỹ thuật cho nông dân, người nghèo.

## **VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

Thành phố Tuyên Quang với vị thế là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội của tỉnh. Năm 2009, thành phố Tuyên Quang đã được công nhận là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Tuyên Quang, sau 10 năm phấn đấu thành phố Tuyên Quang đã không ngừng phát triển, diện mạo đô thị ngày càng đổi thay, khang trang, hiện đại; thành phố đã liên tục duy trì tốc độ phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Ngày 21/11/2019, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 816/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Tuyên Quang, với 15 đơn vị hành chính cấp xã (*gồm 10 phường và 5 xã*). Đến nay, hệ thống hạ tầng kỹ thuật từng bước được cải thiện, đặc biệt là hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đô thị. Hầu hết, các tuyến đường đô thị đã được đầu tư cải tạo, nâng cấp. Hệ thống hạ tầng xã hội như công trình giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa thể dục thể thao, công sở,... được đầu tư đảm bảo chuẩn của



ngành và cơ bản đã đáp ứng các tiêu chí của đô thị II theo quy định tại Nghị quyết số 1210/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII.

Việc công nhận thành phố Tuyên Quang đạt tiêu chí đô thị loại II là thực tiễn khách quan trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đô thị. Cũng là nguyện vọng của Đảng bộ, chính quyền và người dân, đồng thời tạo điều kiện để thành phố phát triển tương xứng với tiềm năng và lợi thế, đáp ứng vai trò là đô thị hạt nhân trong hệ thống các đô thị của tỉnh, cũng như trong tổng thể hệ thống các đô thị của toàn quốc.

Đối chiếu với các tiêu chí phân loại đô thị theo quy định hiện hành, thành phố Tuyên Quang đã cơ bản đạt tiêu chí là đô thị loại II với tổng số điểm 89,63 điểm.

Nhằm tạo điều kiện cho thành phố Tuyên Quang và khu vực dự kiến mở rộng phát triển với chất lượng đô thị ngày càng cao và bền vững, Ủy ban nhân dân thành phố kiến nghị:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tạo điều kiện về cơ chế chính sách, đặc biệt là vốn đầu tư thực hiện các dự án ưu tiên trong năm 2020 và đầu tư xây dựng một số công trình cấp thiết, có tính chất thay đổi diện mạo thành phố nhằm khắc phục, hoàn thiện nhóm tiêu chuẩn chưa đạt điểm và nhóm tiêu chuẩn chưa đạt điểm tối đa theo các tiêu chí của đô thị loại II.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục quan tâm, chỉ đạo, tạo điều kiện trong công tác phát triển đô thị cho thành phố theo các chương trình, kế hoạch được duyệt nhằm phát triển đô thị theo đúng quy hoạch, có kế hoạch và bền vững.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ  
CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Tô Hoàng Linh**